PHỤ LỤC B

BIỂU 1: KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 PHÂN BỔ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TRƯỚC KHI TỔ CHỨC CQĐP 02 CẤP

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới											
		Các huyện, thành phố	*Trong đó*										
			Huyện Chi Lăng	Huyện Đình Lập	Huyện Bắc Sơn	Huyện Hữu Lũng	Huyện Bình Gia	Huyện Lộc Bình	Huyện Cao Lộc	Huyện Văn Lãng	Huyện Văn Quan	Huyện Tràng Định	Thành phố Lạng Sơn
A	*B*	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	**71.847**	**9.201**	**9.378**	**6.681**	**3.220**	**5.191**	**8.024**	**8.420**	**6.408**	**6.894**	**5.910**	**2.520**
	Ngân sách trung ương	**33.280**	**4.670**	**4.460**	**3.570**	**1.400**	**2.260**	**3.480**	**3.900**	**2.660**	**2.780**	**2.700**	**1.400**
	Ngân sách địa phương	**38.567**	**4.531**	**4.918**	**3.111**	**1.820**	**2.931**	**4.544**	**4.520**	**3.748**	**4.114**	**3.210**	**1.120**
	Ngân sách tỉnh	***28.583***	*3.130*	*3.580*	*2.040*	*1.400*	*2.253*	*3.500*	*3.350*	*2.950*	*3.280*	*2.400*	*700*
	Ngân sách huyện đối ứng	***9.984***	*1.401*	*1.338*	*1.071*	*420*	*678*	*1.044*	*1.170*	*798*	*834*	*810*	*420*
I	**Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá**	**12.520**	**1.300**	**-**	**600**	**-**	**520**	**2.900**	**1.000**	**2.500**	**3.000**	**700**	**-**
	Ngân sách trung ương	5.760	500				260	1.800	500	1.000	1.700		
	Ngân sách tỉnh	6.760	800		600		260	1.100	500	1.500	1.300	700	
II	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**7.570**	**1.020**	**440**	**1.600**	**-**	**-**	**2.000**	**1.210**	**300**	**400**	**-**	**600**
	Ngân sách trung ương	6.780	1.020	300	1.600	-	-	1.500	1.210	300	250	-	600
	Ngân sách tỉnh	790		140				500			150		
III	**Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…**	**14.503**	**1.400**	**2.500**	**650**	**700**	**1.593**	**1.100**	**2.600**	**860**	**800**	**2.300**	**-**
	Ngân sách trung ương	6.610	1.300	1.550	300	500	800	-	1.000	360	-	800	-
	Ngân sách tỉnh	7.893	100	950	350	200	793	1.100	1.600	500	800	1.500	

IV	**Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn**	**580**	**180**	**-**	**100**	**-**	**-**	**-**	**-**	**300**	**-**	**-**	**-**
	Ngân sách trung ương	480	180	-	-	-	-	-	-	300	-	-	-
	Ngân sách tỉnh	100			100								
V	**Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn**	**3.030**	**320**	**770**	**700**	**-**	**400**	**-**	**240**	**300**	**-**	**300**	**-**
	Ngân sách trung ương	1.960	320	600	-	-	200	-	240	300	-	300	-
	Ngân sách tỉnh	1.070		170	700		200						
VI	**Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam**	**14.560**	**1.330**	**3.130**	**1.220**	**1.400**	**1.200**	**400**	**1.650**	**800**	**830**	**1.200**	**1.400**
	Ngân sách trung ương	6.100	500	1.250	1.020	200	600	-	600	-	130	1.000	800
	Ngân sách tỉnh	8.460	830	1.880	200	1.200	600	400	1.050	800	700	200	600
VII	**Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo Bình đẳng giới ...**	**3.040**	**1.600**	**50**	**190**	**300**	**400**	**-**	**100**	**-**	**100**	**300**	**-**
	Ngân sách trung ương	1.430	400	30	100	300	200	-	100	-	-	300	-
	Ngân sách tỉnh	1.610	1.200	20	90		200				100		
VIII	**Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM**	**1.550**	**300**	**550**	**200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**150**	**150**	**100**	**100**
	Ngân sách trung ương	1.130	300	380	200	-	-	-	-	-	150	100	-
	Ngân sách tỉnh	420		170						150			100
IX	**Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**	**1.280**	**-**	**200**	**100**	**-**	**200**	**400**	**300**	**-**	**80**	**-**	**-**
	Ngân sách trung ương	400	-	100	100	-	100	-	100	-	-	-	-
	Ngân sách tỉnh	880		100			100	400	200		80		
X	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM**	**3.230**	**350**	**400**	**250**	**400**	**200**	**180**	**150**	**400**	**700**	**200**	**-**
	Ngân sách trung ương	2.630	150	250	250	400	100	180	150	400	550	200	
	Ngân sách tỉnh	600	200	150			100				150		
XI	**Ngân sách huyện đối ứng**	**9.984**	**1.401**	**1.338**	**1.071**	**420**	**678**	**1.044**	**1.170**	**798**	**834**	**810**	**420**

PHỤ LỤC B

BIỂU 2: KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 PHÂN BỔ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TRƯỚC KHI TỔ CHỨC CQĐP 02 CẤP

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số	Ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
	KHỐI HUYỆN	**458.370**	**458.370**		
1	Huyện Hữu Lũng	30.769	30.769		Cấp huyện bố trí nguồn đối ứng tối thiểu theo quy định, huyện phân bổ chi tiết theo dự án, tiểu dự án thành phần
2	Huyện Chi Lăng	48.033	48.033		
3	Thành phố Lạng Sơn	9.841	9.841		
4	Huyện Cao Lộc	51.087	51.087		
5	Huyện Lộc Bình	53.408	53.408		
6	Huyện Đình Lập	24.492	24.492		
7	Huyện Văn Lãng	50.018	50.018		
8	Huyện Tràng Định	52.484	52.484		
9	Huyện Văn Quan	39.240	39.240		
10	Huyện Bình Gia	56.545	56.545		
11	Huyện Bắc Sơn	42.453	42.453		

PHỤ LỤC B

BIỂU 3: KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 PHÂN BỔ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TRƯỚC KHI TỔ CHỨC CQĐP 02 CẤP

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	
A	B	1	2	3	4
	KHỐI HUYỆN	**152.882**	**152.882**		
1	Huyện Bình Gia	30.506	30.506		Cấp huyện bố trí nguồn đối ứng tối thiểu theo quy định, huyện phân bổ chi tiết theo dự án, tiểu dự án thành phần
2	Huyện Văn Quan	28.518	28.518		
3	Huyện Bắc Sơn	10.787	10.787		
4	Huyện Chi Lăng	10.448	10.448		
5	Huyện Hữu Lũng	12.840	12.840		
6	Huyện Cao Lộc	13.943	13.943		
7	Huyện Văn Lãng	9.339	9.339		
8	Huyện Tràng Định	13.593	13.593		
9	Huyện Lộc Bình	11.916	11.916		
10	Huyện Đình Lập	7.217	7.217		
11	Thành phố Lạng Sơn	3.775	3.775		

PHỤ LỤC B

BIỂU 4: PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán								Dự toán huyện đã phân bổ cho xã								Dự toán cấp huyện điều chuyển về xã								Dự toán cấp huyện điều chuyển về tỉnh								Chi chú
		Năm 2025				Chuyển nguồn các năm trước sang 2025				Năm 2025				Chuyển nguồn các năm trước sang 2025				Năm 2025				Chuyển nguồn các năm trước sang 2025				Năm 2025				Chuyển nguồn các năm trước sang 2025				
		Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	TỔNG CỘNG	**688.015**	**644.532**	**28.583**	**14.900**	**381.053**	**356.680**	**12.314**	**12.059**	**463.137**	**438.785**	**12.235**	**12.117**	**145.429**	**132.479**	**6.791**	**6.160**	**22.081**	**13.424**	**6.695**	**1.962**	**15.853**	**12.940**	**1.499**	**1.413**	**203.795**	**192.323**	**9.653**	**1.819**	**205.394**	**196.912**	**3.996**	**4.486**	
I	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**	**64.664**	**33.280**	**28.583**	**2.801**	**36.868**	**21.392**	**12.314**	**3.162**	**28.959**	**14.690**	**12.235**	**2.034**	**19.137**	**9.896**	**6.791**	**2.450**	**15.428**	**8.586**	**6.695**	**147**	**3.935**	**2.143**	**1.499**	**292**	**20.277**	**10.004**	**9.653**	**620**	**13.796**	**9.381**	**3.996**	**420**	
1	Thành phố	2.520	1.400	700	420	5.432	3.380	1.120	932	2.520	1.400	700	420	5.244	3.308	1.005	932	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	188	72	116	-	
2	Hữu Lũng	3.220	1.400	1.400	420	2.823	1.568	981	273	2.110	880	1.030	200	603	282	112	208	457	162	295	-	-	-	-	-	653	358	75	220	2.219	1.286	869	65	
3	Chi Lăng	7.800	4.670	3.130	-	1.819	1.357	456	5	1.300	500	800	-	-	-	-	-	6.220	3.890	2.330	-	1.526	1.087	433	5	280	280	-	-	293	269	23	-	
4	Cao Lộc	8.420	3.900	3.350	1.170	3.197	1.341	1.273	584	5.450	3.200	1.250	1.000	2.569	722	1.273	574	800	-	800	-	-	-	-	-	2.170	700	1.300	170	629	619	-	9	
5	Lộc Bình	7.137	3.480	3.500	157	2.766	761	1.950	55	400	-	400	-	2.114	533	1.526	55	3.227	1.500	1.600	127	395	-	395	-	3.510	1.980	1.500	30	257	257	-	-	
6	Đình Lập	8.040	4.460	3.580	-	5.257	3.113	1.488	656	7.325	4.330	2.995	-	2.761	1.480	810	471	-	-	-	-	-	-	-	-	715	130	585	-	2.496	1.633	678	185	
7	Văn Lãng	5.610	2.660	2.950	-	3.754	2.023	1.732	-	2.100	200	1.900	-	1.400	778	622	-	1.300	1.300	-	-	117	37	80	-	2.210	1.160	1.050	-	2.238	1.208	1.029	-	
8	Tràng Định	5.100	2.700	2.400	-	2.184	1.136	1.048	-	2.400	1.500	900	-	1.408	632	776	-	738	339	400	-	-	-	-	-	1.962	861	1.101	-	775	503	272	-	trong dự toán điều chuyển về tỉnh có 1.937 là vốn chuyển sang đầu tư
9	Văn Quan	6.694	2.780	3.280	634	3.344	2.161	811	371	1.964	280	1.270	414	3.038	2.161	667	210	265	185	60	20	4	-	-	4	4.465	2.315	1.950	200	302	-	144	157	
10	Bình Gia	4.513	2.260	2.253	-	2.713	1.709	1.004	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.420	1.210	1.210	-	1.214	737	477	-	2.093	1.050	1.043	-	1.499	972	527	-	
11	Bắc Sơn	5.610	3.570	2.040	-	3.580	2.843	451	286	3.390	2.400	990	-	-	-	-	-	-	-	-	-	678	282	114	283	2.220	1.170	1.050	-	2.902	2.561	337	4	
II	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**	**467.790**	**458.370**	**-**	**9.420**	**296.028**	**288.352**	**-**	**7.676**	**312.098**	**303.822**	**-**	**8.276**	**98.986**	**96.179**	**-**	**2.807**	**5.431**	**4.368**	**-**	**1.063**	**11.918**	**10.797**	**-**	**1.121**	**151.259**	**150.180**	**-**	**1.079**	**170.746**	**166.998**	**-**	**3.748**	
1	Hữu Lũng	31.514	30.769	-	745	29.222	27.712	-	1.510	15.288	14.543	-	745	3.999	3.930	-	69	344	344	-		1.188	1.188	-		15.882	15.882	-	-	24.035	22.594	-	1.441	
2	Chi Lăng	50.435	48.033	-	2.402	26.993	25.285	-	1.708	48.160	45.796	-	2.364	19.688	18.610	-	1.078	-	-	-	-	423	411	-	12	2.275	2.237	-	38	6.882	6.264	-	618	
3	Thành phố	10.333	9.841	-	492	1.024	997	-	27	-	-	-	-	-	-	-	-	1.373	1.308	-	65	-	-	-	-	8.960	8.533	-	427	1.024	997	-	27	
4	Cao Lộc	51.087	51.087	-	-	28.896	28.856	-	40	14.614	14.614	-	-	11.009	11.009	-	-	-	-	-	-	-		-	-	36.473	36.473	-	-	17.887	17.847	-	40	
5	Lộc Bình	54.135	53.408	-	727	4.403	3.300	-	1.103	31.156	30.429	-	727	2.017	1.958	-	59	1.199	1.199	-	-	1.279	456	-	823	21.780	21.780	-	-	1.107	886	-	221	
6	Đình Lập	24.492	24.492	-	-	13.756	13.208	-	548	21.492	21.492	-	-	10.355	9.982	-	373	-				1.893	1.787	-	106	3.000	3.000	-	-	1.508	1.439	-	69	
7	Văn Lãng	50.018	50.018	-	-	46.322	46.322	-	-	47.018	47.018	-	-	9.679	9.679	-	-	-			-	2.205	2.205	-	-	3.000	3.000	-	-	34.438	34.438	-	-	
8	Tràng Định	52.484	52.484	-	-	2.346	2.346	-	-	21.184	21.184	-	-	504	504	-	-	249	249	-	-	522	522	-	-	31.051	31.051	-	-	1.320	1.320	-	-	
9	Văn Quan	41.466	39.240	-	2.226	20.255	19.800	-	455	28.574	26.962	-	1.612	18.555	18.555	-	-	998			998	180		-	180	12.892	12.278	-	614	1.520	1.245	-	275	
10	Bình Gia	59.373	56.545	-	2.828	93.417	92.766	-	651	55.365	52.537	-	2.828	14.387	14.251	-	136	1.268	1.268	-		4.228	4.228	-		2.740	2.740	-	-	74.802	74.287	-	515	
11	Bắc Sơn	42.453	42.453	-	-	29.394	27.760	-	1.634	29.247	29.247	-	-	8.793	7.701	-	1.092	-			-	-				13.206	13.206	-	-	6.223	5.681	-	542	
III	**CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**	**155.561**	**152.882**	**-**	**2.679**	**48.157**	**46.936**	**-**	**1.221**	**122.080**	**120.273**	**-**	**1.807**	**27.306**	**26.403**	**-**	**903**	**1.222**	**470**	**-**	**752**	**-**	**-**	**-**	**-**	**32.259**	**32.139**	**-**	**120**	**20.851**	**20.533**	**-**	**319**	
1	Huyện Hữu Lũng	13.101	12.840	-	261	4.299	4.025	-	273	8.780,00	8.519,00	-	261	2.364	2.216	-	148	-	-	-	-	-				4.321	4.321	-	-	1.935	1.810	-	125	
2	Huyện Chi Lăng	10.761	10.448	-	313	1.434	1.320	-	114	7.931,00	7.618,00	-	313	927	823	-	104	-	-	-	-	-				2.830	2.830	-	-	507	497	-	10	
3	Thành phố	3.889	3.775	-	114	61	55	-	6	1.571,00	1.525,00	-	46	-	-	-	-	-	-	-	-	-				2.318	2.250	-	68	61	55	-	6	
4	Huyện Cao Lộc	13.943	13.943	-	-	8.126	7.987	-	139	13.143,00	13.143,00	-	-	4.122	3.983	-	139	-	-	-	-	-				800	800	-	-	4.004	4.004	-	-	
5	Huyện Lộc Bình	12.136	11.916	-	220	295	216	-	79	7.970,00	7.750,00	-	220	251	172	-	79	-	-	-	-	-				4.166	4.166	-	-	44	44	-	-	
6	Huyện Đình Lập	7.217	7.217	-	-	3.860	3.854	-	6	5.217,00	5.217,00	-	-	1.093	1.087	-	6	-	-	-	-	-				2.000	2.000	-	-	2.767	2.767	-	-	
7	Huyện Văn Lãng	9.339	9.339	-	-	7.327	7.327	-	-	7.206,00	7.206,00	-	-	6.438	6.438	-	-	-	-	-	-	-				2.133	2.133	-	-	889	889	-	-	
8	Huyện Tràng Định	13.593	13.593	-	-	1.028	1.028	-	-	4.195,00	4.195,00	-	-	4	4	-	-	-	-	-	-	-				9.398	9.398	-	-	1.023	1.023	-	-	
9	Huyện Văn Quan	29.374	28.518	-	856	9.217	9.056	-	161	27.365,00	27.313,00	-	52	8.892	8.755	-	137	752	-	-	752	-				1.257	1.205	-	52	325	301	-	24	
10	Huyện Bình Gia	31.421	30.506	-	915	8.441	7.997	-	444	30.435,00	29.520,00		915	2.537	2.247	-	290	-	-	-	-	-				986	986	-	-	5.904	5.751	-	153	
11	Huyện Bắc Sơn	10.787	10.787	-	-	4.071	4.071	-	-	8.267,00	8.267,00	-	-	677	677	-	-	470	470	-	-	-				2.050	2.050	-	-	3.393	3.393	-	-	

PHỤ LỤC B

BIỂU 5: TỔNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng	CTMTQG xây dựng nông thôn mới			CTMTQG giảm nghèo bền vững				CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số				Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG	**688.015**	**644.532**	**28.583**	**14.900**	**64.664**	**33.280**	**28.583**	**2.801**	**155.561**	**152.882**	**-**	**2.679**	**467.790**	**458.370**	**-**	**9.420**	
I	**THU HỒI VỀ CẤP 0 TỈNH**	**147.582**	**138.542**	**7.925**	**1.115**	**17.252**	**8.707**	**7.925**	**620**	**20.766**	**20.698**		**68**	**109.564**	**109.137**		**427**	
II	**ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH**	**52.256**	**50.924**	**628**	**704**	**1.088**	**460**	**628**	**-**	**9.473**	**9.421**	**-**	**52**	**41.695**	**41.043**	**-**	**652**	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	38.700	37.486	628	586	1.058	430	628		4.353	4.353			33.289	32.703		586	
2	Sở Y tế	13.526	13.408	-	118	-				5.120	5.068		52	8.406	8.340		66	
3	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	30	30	-	-	30	30			-				-				
III	**KHỐI XÃ**	**484.220**	**452.209**	**18.930**	**13.081**	**44.387**	**23.276**	**18.930**	**2.181**	**123.302**	**120.743**	**-**	**2.559**	**316.531**	**308.190**	**-**	**8.341**	
1	Xã Đồng Đăng	7.121	6.307	814	-	1.189	375	814		3.370	3.370			2.562	2.562			
2	Xã Cao Lộc	5.119	5.119	-	-	-				1.990	1.990			3.129	3.129			
3	Xã Công Sơn	5.357	5.116	141	100	841	600	141	100	2.013	2.013			2.503	2.503			
4	Xã Ba Sơn	6.372	6.014	158	200	1.808	1.450	158	200	2.030	2.030			2.534	2.534			
5	Phường Tam Thanh	1.484	1.361	-	123	590	500		90	541	525		16	353	336		17	
6	Phường Lương Văn Tri	1.506	1.234	-	272	640	400		240	515	500		15	351	334		17	
7	Phường Kỳ Lừa	5.582	4.266	600	716	1.825	525	600	700	1.720	1.720			2.037	2.021		16	
8	Phường Đông Kinh	3.345	2.345	880	120	1.720	750	880	90	945	930		15	680	665		15	
9	Xã Hữu Lũng	1.811	1.216	595	-	907	312	595	-	560	560			344	344			
10	Xã Tuấn Sơn	1.303	1.103	-	200	200			200	555	555			548	548			
11	Xã Tân Thành	865	865	-	-	-				865	865			-	-			
12	Xã Vân Nham	845	545	300	-	300		300		545	545			-	-			
13	Xã Thiện Tân	7.706	7.245	430	31	430		430		2.180	2.149		31	5.096	5.096			
14	Xã Yên Bình	9.146	8.286	-	860	-				2.050	1.935		115	7.096	6.351		745	
15	Xã Hữu Liên	3.035	3.035	-	-	350	350			685	685			2.000	2.000			
16	Xã Cai Kinh	2.268	2.153	-	115	380	380			1.340	1.225		115	548	548			
17	Xã Thất Khê	2.555	1.675	880	-	1.521	641	880		450	450			584	584			
18	Xã Đoàn Kết	6.299	6.299	-	-	97	97			450	450			5.752	5.752			
19	Xã Tân Tiến	7.477	7.477	-	-	47	47			450	450			6.980	6.980			
20	Xã Tràng Định	2.181	2.181	-	-	147	147			450	450			1.584	1.584			
21	Xã Quốc Khánh	2.045	1.625	420	-	867	447	420		1.050	1.050			128	128			
22	Xã Kháng Chiến	5.072	5.072	-	-	379	379			745	745			3.948	3.948			
23	Xã Quốc Việt	3.138	3.138	-	-	81	81			600	600			2.457	2.457			
24	Xã Bắc Sơn	2.606	2.606	-	-	-				860	860			1.746	1.746			
25	Xã Hưng Vũ	3.972	3.972	-	-	-				1.360	1.360			2.612	2.612			
26	Xã Vũ Lăng	5.356	5.006	350	-	1.000	650	350		1.720	1.720			2.636	2.636			
27	Xã Nhất Hoà	10.628	10.338	290	-	1.490	1.200	290		1.802	1.802			7.336	7.336			
29	Xã Vũ Lễ	6.876	6.526	350	-	900	550	350		1.470	1.470			4.506	4.506			
28	Xã Tân Tri	11.937	11.937	-	-	-				1.525	1.525			10.412	10.412			
30	Xã Đình Lập	5.092	4.434	658	-	1.565	907	658		770	770			2.757	2.757			
31	Xã Châu Sơn	8.905	8.106	799	-	2.040	1.241	799		1.120	1.120			5.745	5.745			
32	Xã Kiên Mộc	8.265	7.496	769	-	1.910	1.141	769		1.810	1.810			4.545	4.545			
33	Xã Thái Bình	11.772	11.003	769	-	1.810	1.041	769		1.517	1.517			8.445	8.445			

STT	Đơn vị	Tổng				CTMTQG xây dựng nông thôn mới				CTMTQG giảm nghèo bền vững				CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số				Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
34	Xã Bình Gia	1.757	1.591	150	16	330	180	150		1.072	1.056		16	355	355			
35	Xã Tân Văn	3.224	2.674	400	150	660	260	400		2.059	1.909		150	505	505			
36	Xã Hồng Phong	8.508	8.018	100	390	200	100	100		1.424	1.366		58	6.884	6.552		332	
37	Xã Hoa Thám	9.281	8.854	100	327	280	180	100		4.306	4.178		128	4.695	4.496		199	
38	Xã Quý Hòa	25.312	23.918	80	1.314	160	80	80		4.732	4.598		134	20.420	19.240		1.180	
39	Xã Thiện Hòa	13.231	12.578	60	593	150	90	60		4.386	4.258		128	8.695	8.230		465	
40	Xã Thiện Thuật	11.626	11.041	190	395	410	220	190		5.967	5.772		195	5.249	5.049		200	
41	Xã Thiện Long	16.549	15.861	130	558	230	100	130		6.489	6.383		106	9.830	9.378		452	
42	Xã Lộc Bình	5.719	3.992	1.600	127	3.227	1.500	1.600	127	80	80			2.412	2.412			
43	Xã Mẫu Sơn	6.350	6.109	200	41	200		200		1.028	1.014		14	5.122	5.095		27	
44	Xã Na Dương	5.310	5.216	-	94	-				1.328	1.292		36	3.982	3.924		58	
45	Xã Lợi Bác	4.442	4.359	-	83	-				1.020	1.020			3.422	3.339		83	
46	Xã Thống Nhất	10.889	10.484	-	405	-				2.815	2.734		81	8.074	7.750		324	
47	Xã Xuân Dương	9.900	9.376	200	324	200		200		1.659	1.570		89	8.041	7.806		235	
48	Xã Khuất Xá	1.342	1.342	-	-	-				40	40			1.302	1.302			
49	Xã Chi Lăng	5.527	4.022	1.400	105	1.842	442	1.400		126	126			3.559	3.454		105	
50	Xã Bằng Mạc	10.919	9.521	1.000	398	2.464	1.464	1.000		1.746	1.706		40	6.709	6.351		358	
51	Xã Chiến Thắng	20.016	18.906	330	780	2.354	2.024	330		2.173	2.159		14	15.489	14.723		766	
52	Xã Quan Sơn	14.416	13.574	-	842	42	42			2.598	2.339		259	11.776	11.193		583	
53	Xã Nhân Lý	8.478	8.090	-	388	126	126			543	543			7.809	7.421		388	
54	Xã Vạn Linh	4.255	3.691	400	164	692	292	400		745	745			2.818	2.654		164	
55	Xã Văn Quan	11.589	10.776	310	503	715	365	310	40	6.019	5.819		200	4.855	4.592		263	
56	Xã Điềm He	9.577	8.316	640	621	1.084	50	640	394	4.260	4.248		12	4.233	4.018		215	
57	Xã Tri Lễ	17.121	16.174	-	947	-				9.110	8.682		428	8.011	7.492		519	
58	Xã Yên Phúc	8.946	8.266	380	300	430	50	380		3.532	3.488		44	4.984	4.728		256	
59	Xã Tân Đoàn	7.612	7.289	125	198	125		125		3.998	3.978		20	3.489	3.311		178	
60	Xã Khánh Khê	7.659	7.346	32	281	32		32		2.788	2.688		100	4.839	4.658		181	
61	Xã Na Sầm	6.278	5.878	400	-	800	400	400		1.585	1.585			3.893	3.893			
62	Xã Văn Lãng	15.685	15.685	-	-	200	200			1.390	1.390			14.095	14.095			
63	Xã Hội Hoan	10.814	10.814	-	-	-				655	655			10.159	10.159			
64	Xã Thuỵ Hùng	8.151	7.442	709	-	709		709		1.140	1.140			6.302	6.302			
65	Xã Hoàng Văn Thụ	16.696	15.905	791	-	1.691	900	791		2.436	2.436			12.569	12.569			
IV	**Đã chuyển vốn SN sang vốn ĐT**	**3.957**	**2.857**	**1.100**	**-**	**1.937**	**837**	**1.100**		**2.020**	**2.020**							

PHỤ LỤC B

BIỂU 6: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 - ĐƠN VỊ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
A	**Dự toán giao 2025**	**467.790**	**28.626**	**237**	**122.114**	**40.977**	**81.137**	**94.661**	**93.970**	**10.096**	**50**	**65.727**	**18.097**	**7.485**	**9.215**	**8.503**	**5.091**	**-**	**4.541**	**22.308**	**17.580**	**305**	**4.422**	
	Ngân sách trung ương	458.370	28.626	237	122.114	40.977	81.137	94.661	93.970	10.096	50	65.727	18.097	7.485	9.215	8.503	5.091	-	4.541	22.308	17.580	305	4.422	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh và ngân sách xã	9.420																						
I	**Thu hồi về cấp 0 tỉnh**	**109.564**	**-**	**-**	**3.639**	**-**	3.639	**-**	**32.635**	2.486	-	27.104	3.045	**353**	**499**	**1.230**	**1.449**	-	899	**3.599**	2.700	-	899	
	Ngân sách trung ương	109.137	-	-	3.639	-	3.639	-	32.233	2.486	-	26.702	3.045	353	475	1.230	1.448	-	898	3.599	2.700	-	899	
	Trong đó chưa phân bổ chi tiết	*65.807*																						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	427	-	-	-	-	-	-	402	-	-	402	-	-	24	-	1	-	1	-	-	-	-	-
II	**Đơn vị dự toán cấp tỉnh**	**41.695**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**176**	**33.289**	**-**	**-**	**33.289**	**-**	**-**	**8.230**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Ngân sách trung ương	41.043	-	-	-	-	-	176	32.703	-	-	32.703	-	-	8.164	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	652	-	-	-	-	-	-	586	-	-	586	-	-	66	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**33.289**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**33.289**	**-**	**-**	**33.289**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	32.703	-	-	-	-	-	-	32.703	-	-	32.703	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	586	-	-	-	-	-	-	586	-	-	586	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	**Sở Y tế**	**8.406**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**176**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**8.230**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	8.340	-	-	-	-	-	176	-	-	-	-	-	-	8.164	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	66	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	**Đơn vị cấp xã**	**316.531**	**29.492**	**249**	**121.439**	**42.248**	**79.191**	**97.816**	**29.659**	**7.695**	**50**	**6.630**	**15.284**	**7.165**	**576**	**7.374**	**3.705**	**-**	**3.705**	**19.056**	**15.159**	**305**	**3.591**	
	Ngân sách trung ương	308.190	28.626	237	118.475	40.977	77.498	94.485	29.034	7.610	50	6.322	15.052	7.132	576	7.273	3.643	-	3.643	18.709	14.880	305	3.523	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	8.341	866	12	2.964	1.271	1.693	3.331	625	85	-	308	232	33	-	101	62	-	62	347	279	-	68	
1	**Xã Đình Lập**	**2.757**	**400**	**-**	**300**	**-**	**300**	**600**	**490**	**100**	**-**	**-**	**390**	**157**	**-**	**100**	**190**	**-**	**190**	**520**	**400**	**60**	**60**	
	Ngân sách trung ương	2.757	400		300		300	600	490	100			390	157		100	190		190	520	400	60	60	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-															
2	**Xã Châu Sơn**	**5.745**	**400**	**-**	**1.300**	**-**	**1.300**	**2.600**	**490**	**100**	**-**	**-**	**390**	**155**	**-**	**100**	**180**	**-**	**180**	**520**	**400**	**60**	**60**	
	Ngân sách trung ương	5.745	400		1.300		1.300	2.600	490	100			390	155		100	180		180	520	400	60	60	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-															
3	**Xã Kiên Mộc**	**4.545**	**400**	**-**	**900**	**-**	**900**	**1.800**	**490**	**100**	**-**	**-**	**390**	**155**	**-**	**100**	**180**	**-**	**180**	**520**	**400**	**60**	**60**	
	Ngân sách trung ương	4.545	400		900		900	1.800	490	100			390	155		100	180		180	520	400	60	60	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-															
4	**Xã Thái Bình**	**8.445**	**400**	**-**	**2.200**	**-**	**2.200**	**4.400**	**490**	**100**	**-**	**-**	**390**	**155**	**-**	**100**	**180**	**-**	**180**	**520**	**400**	**60**	**60**	
	Ngân sách trung ương	8.445	400		2.200		2.200	4.400	490	100			390	155		100	180		180	520	400	60	60	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
5	**Xã Bình Gia**	**355**	**12**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**43**	**-**	**-**	**-**	**43**	**90**	**-**	**-**	**95**	**-**	**95**	**115**	**75**	**-**	**40**	**-**
	Ngân sách trung ương	355	12		-				43				43	90			95		95	115	75		40	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
6	**Xã Tân Văn**	**505**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**41**	**-**	**-**	**-**	**41**	**180**	**-**	**86**	**85**	**-**	**85**	**113**	**75**	**-**	**38**	**-**
	Ngân sách trung ương	505			-				41				41	180		86	85		85	113	75		38	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
7	**Xã Hồng Phong**	**6.884**	**138**	**-**	**1.000**	**600**	**400**	**5.332**	**148**	**115**	**-**	**-**	**33**	**30**	**-**	**86**	**65**	**-**	**65**	**85**	**55**	**-**	**30**	**-**
	Ngân sách trung ương	6.552	138		1.000	600	400	5.000	148	115			33	30		86	65		65	85	55		30	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	332			-			332	-								-			-				
8	**Xã Hoa Thám**	**4.695**	**-**	**-**	**1.000**	**600**	**400**	**3.199**	**144**	**115**	**-**	**-**	**29**	**150**	**-**	**71**	**60**	**-**	**60**	**71**	**45**	**-**	**26**	**-**
	Ngân sách trung ương	4.496			1.000	600	400	3.000	144	115			29	150		71	60		60	71	45		26	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	199			-			199	-								-			-				
9	**Xã Quý Hoà**	**20.420**	**51**	**-**	**1.004**	**604**	**400**	**18.957**	**139**	**118**	**-**	**-**	**21**	**90**	**-**	**71**	**50**	**-**	**50**	**58**	**40**	**-**	**18**	**-**
	Ngân sách trung ương	19.240	51		1.004	604	400	17.777	139	118			21	90		71	50		50	58	40		18	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	1.180			-			1.180	-								-			-				
10	**Xã Thiện Thuật**	**5.249**	**87**	**-**	**1.200**	**1.200**	**-**	**3.200**	**382**	**345**	**-**	**-**	**37**	**120**	**-**	**71**	**85**	**-**	**85**	**104**	**70**	**-**	**34**	**-**

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Ngân sách trung ương	5.049	87		1.200	1.200		3.000	382	345			37	120		71	85		85	104	70		34	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	200			-			200	-								-			-				
11	**Xã Thiện Long**	**9.830**	**57**	**-**	**2.000**	**1.200**	**800**	**7.252**	**259**	**230**	**-**	**-**	**29**	**60**	**-**	**71**	**60**	**-**	**60**	**71**	**45**	**-**	**26**	**-**
	Ngân sách trung ương	9.378	57		2.000	1.200	800	6.800	259	230			29	60		71	60		60	71	45		26	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	452			-			452	-								-			-				
12	**Xã Thiện Hoà**	**8.695**	**-**	**-**	**600**	**600**	**-**	**7.465**	**376**	**345**	**-**	**-**	**31**	**30**	**-**	**86**	**60**	**-**	**60**	**78**	**50**	**-**	**28**	**-**
	Ngân sách trung ương	8.230			600	600		7.000	376	345			31	30		86	60		60	78	50		28	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	465			-			465	-								-			-				
13	**Xã Thất Khê**	**584**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**101**	**249**	**249**	**-**	**-**	**-**	**234**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	584			-			101	249	249				234			-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
14	**Xã Kháng Chiến**	**3.948**	**-**	**-**	**1.357**	**857**	**500**	**715**	**910**	**-**	**-**	**-**	**910**	**154**	**-**	**272**	**40**	**-**	**40**	**500**	**400**	**-**	**100**	
	Ngân sách trung ương	3.948			1.357	857	500	715	910				910	154		272	40		40	500	400		100	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
15	**Xã Quốc Việt**	**2.457**	**12**	**-**	**1.142**	**742**	**400**	**350**	**481**	**26**	**-**	**-**	**455**	**66**	**-**	**136**	**20**	**-**	**20**	**250**	**200**	**-**	**50**	
	Ngân sách trung ương	2.457	12		1.142	742	400	350	481	26			455	66		136	20		20	250	200		50	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
16	**Xã Quốc Khánh**	**128**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**101**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**27**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	128			-			101	-					27			-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
17	**Xã Tràng Định**	**1.584**	**45**	**-**	**344**	**344**	**-**	**469**	**255**	**-**	**-**	**-**	**255**	**71**	**-**	**130**	**20**	**-**	**20**	**250**	**200**	**-**	**50**	
	Ngân sách trung ương	1.584	45		344	344		469	255				255	71		130	20		20	250	200		50	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
18	**Xã Tân Tiến**	**6.980**	**35**	**-**	**3.407**	**3.007**	**400**	**816**	**1.365**	**-**	**-**	**-**	**1.365**	**88**	**-**	**459**	**60**	**-**	**60**	**750**	**600**	**-**	**150**	
	Ngân sách trung ương	6.980	35		3.407	3.007	400	816	1.365				1.365	88		459	60		60	750	600		150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
19	**Xã Đoàn Kết**	**5.752**	**48**	**-**	**2.938**	**2.938**	**-**	**952**	**945**	**35**	**-**	**-**	**910**	**22**	**-**	**307**	**40**	**-**	**40**	**500**	**400**	**-**	**100**	
	Ngân sách trung ương	5.752	48		2.938	2.938		952	945	35			910	22		307	40		40	500	400		100	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
20	**Xã Na Sầm**	**3.893**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.000**	**774**	**200**	**-**	**150**	**424**	**540**	**-**	**96**	**48**	**-**	**48**	**435**	**390**	**-**	**45**	
	Ngân sách trung ương	3.893	-	-	-	-	-	2.000	774	200	-	150	424	540	-	96	48	-	48	435	390	-	45	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
21	**Xã Hoàng Văn Thụ**	**12.569**	**117**	**-**	**5.000**	**-**	**5.000**	**3.900**	**1.276**	**250**	**-**	**300**	**726**	**1.130**	**-**	**231**	**112**	**-**	**112**	**803**	**650**	**15**	**138**	
	Ngân sách trung ương	12.569	117		5.000	-	5.000	3.900	1.276	250	-	300	726	1.130	-	231	112	-	112	803	650	15	138	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
22	**Xã Hội Hoan**	**10.159**	**26**	**-**	**3.561**	**61**	**3.500**	**4.104**	**1.116**	**616**	**-**	**200**	**300**	**495**	**-**	**258**	**151**	**-**	**151**	**448**	**291**	**-**	**157**	
	Ngân sách trung ương	10.159	26	-	3.561	61	3.500	4.104	1.116	616	-	200	300	495	-	258	151	-	151	448	291	-	157	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
23	**Xã Văn Lãng**	**14.095**	**31**	**-**	**4.282**	**782**	**3.500**	**6.300**	**1.472**	**530**	**50**	**442**	**450**	**780**	**-**	**280**	**160**	**-**	**160**	**790**	**520**	**20**	**250**	
	Ngân sách trung ương	14.095	31	-	4.282	782	3.500	6.300	1.472	530	50	442	450	780	-	280	160	-	160	790	520	20	250	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
24	**Xã Thụy Hùng**	**6.302**	**28**	**-**	**1.041**	**41**	**1.000**	**3.000**	**830**	**200**	**-**	**200**	**430**	**635**	**-**	**160**	**80**	**-**	**80**	**528**	**390**	**30**	**108**	
	Ngân sách trung ương	6.302	28	-	1.041	41	1.000	3.000	830	200	-	200	430	635	-	160	80	-	80	528	390	30	108	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
25	**Xã Đồng Đăng**	**2.562**	**-**	**-**	**1.664**	**18**	**1.646**	**700**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**148**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**50**	**50**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.562			1.664	18	1.646	700	-					148						50	50			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-											-				
26	**Xã Cao Lộc**	**3.129**	**10**	**-**	**2.010**	**833**	**1.177**	**910**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**149**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**50**	**50**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	3.129	10		2.010	833	1.177	910	-					149						50	50			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-											-				
27	**Xã Công Sơn**	**2.503**	**140**	**-**	**1.573**	**371**	**1.202**	**622**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**118**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**50**	**50**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.503	140		1.573	371	1.202	622	-					118						50	50			

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-											-				
28	**Xã Ba Sơn**	**2.534**	**-**	**-**	**1.686**	**571**	**1.115**	**710**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**88**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**50**	**50**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.534			1.686	571	1.115	710	-					88						50	50			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-											-				
29	**Xã Bắc Sơn**	**1.746**	**-**	**-**	**780**	**44**	**736**	**254**	**121**	**-**	**-**	**-**	**121**	**-**	**63**	**86**	**-**	**-**	**-**	**442**	**395**	**-**	**47**	
	Ngân sách trung ương	1.746	-	-	780	44	736	254	121	-	-	-	121	-	63	86	-	-	-	442	395	-	47	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
30	**Xã Hưng Vũ**	**2.612**	**-**	**-**	**1.231**	**-**	**1.231**	**472**	**332**	**-**	**-**	**-**	**332**	**-**	**91**	**129**	**-**	**-**	**-**	**357**	**264**	**-**	**93**	
	Ngân sách trung ương	2.612	-	-	1.231	-	1.231	472	332	-	-	-	332	-	91	129	-	-	-	357	264	-	93	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
31	**Xã Vũ Lăng**	**2.636**	**1.064**	**-**	**552**	**-**	**552**	**191**	**91**	**-**	**-**	**-**	**91**	**-**	**84**	**65**	**-**	**-**	**-**	**589**	**527**	**-**	**62**	
	Ngân sách trung ương	2.636	1.064	-	552	-	552	191	91	-	-	-	91	-	84	65	-	-	-	589	527	-	62	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
32	**Xã Tân Tri**	**10.412**	**5.334**	**-**	**2.572**	**111**	**2.461**	**856**	**663**	**-**	**-**	**-**	**663**	**-**	**162**	**259**	**-**	**-**	**-**	**566**	**395**	**-**	**171**	
	Ngân sách trung ương	10.412	5.334	-	2.572	111	2.461	856	663	-	-	-	663	-	162	259	-	-	-	566	395	-	171	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
33	**Xã Vũ Lễ**	**4.506**	**3.701**	**-**	**184**	**-**	**184**	**63**	**30**	**-**	**-**	**-**	**30**	**-**	**64**	**22**	**-**	**-**	**-**	**442**	**395**	**-**	**47**	
	Ngân sách trung ương	4.506	3.701	-	184	-	184	63	30	-	-	-	30	-	64	22	-	-	-	442	395	-	47	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
34	**Xã Nhất Hoà**	**7.336**	**3.746**	**-**	**1.783**	**-**	**1.783**	**575**	**422**	**-**	**-**	**-**	**422**	**-**	**112**	**194**	**-**	**-**	**-**	**504**	**395**	**-**	**109**	
	Ngân sách trung ương	7.336	3.746	-	1.783	-	1.783	575	422	-	-	-	422	-	112	194	-	-	-	504	395	-	109	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-							-															
35	**Xã Văn Quan**	**4.855**	**820**	**-**	**2.818**	**832**	**1.986**	**-**	**396**	**-**	**-**	**-**	**396**	**68**	**-**	**126**	**123**	**-**	**123**	**504**	**413**	**-**	**91**	
	Ngân sách trung ương	4.592	750		2.683	793	1.890		377				377	65		119	117		117	481	394		87	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	263	70		135	39	96		19				19	3		7	6		6	23	19		4	
36	**Xã Điềm He**	**4.233**	**752**	**-**	**1.993**	**-**	**1.993**	**-**	**543**	**147**	**-**	**-**	**396**	**40**	**-**	**274**	**124**	**-**	**124**	**507**	**415**	**-**	**92**	
	Ngân sách trung ương	4.018	700		1.900		1.900		517	140			377	38		261	118		118	484	396		88	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	215	52		93		93		26	7			19	2		13	6		6	23	19		4	
37	**Xã Yên Phúc**	**4.984**	**753**	**-**	**2.914**	**551**	**2.363**	**-**	**396**	**-**	**-**	**-**	**396**	**40**	**-**	**250**	**123**	**-**	**123**	**508**	**415**	**-**	**93**	
	Ngân sách trung ương	4.728	700		2.775	525	2.250		377				377	38		238	117		117	483	395		88	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	256	53		139	26	113		19				19	2		12	6		6	25	20		5	
38	**Xã Tri Lễ**	**8.011**	**1.035**	**-**	**3.127**	**631**	**2.496**	**1.890**	**963**	**567**	**-**	**-**	**396**	**109**	**-**	**257**	**123**	**-**	**123**	**507**	**416**	**-**	**91**	
	Ngân sách trung ương	7.492	850		2.977	600	2.377	1.800	917	540			377	104		245	117		117	482	395		87	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	519	185		150	31	119	90	46	27			19	5		12	6		6	25	21		4	
39	**Xã Tân Đoàn**	**3.489**	**562**	**-**	**367**	**-**	**367**	**1.656**	**396**	**-**	**-**	**-**	**396**	**60**	**-**	**-**	**82**	**-**	**82**	**366**	**275**	**-**	**91**	
	Ngân sách trung ương	3.311	506		367	-	367	1.577	377				377	57			78		78	349	262		87	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	178	56		-		-	79	19				19	3			4		4	17	13		4	
40	**Xã Khánh Khê**	**4.839**	**338**	**-**	**2.945**	**499**	**2.446**	**610**	**395**	**-**	**-**	**-**	**395**	**49**	**-**	**226**	**42**	**-**	**42**	**234**	**142**	**-**	**92**	
	Ngân sách trung ương	4.658	300		2.846	480	2.366	610	377	-		-	377	47		216	40		40	222	135		87	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	181	38		99	19	80		18				18	2		10	2		2	12	7		5	
41	**Xã Chi Lăng**	**3.559**	**1.106**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.802**	**-**	**-**	**1.672**	**130**	**80**	**-**	**28**	**48**	**-**	**48**	**495**	**408**	**-**	**86**	
	Ngân sách trung ương	3.454	1.080		-				1.747			1.627	120	76		26	45		45	480	396		83	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	105	26						55			45	10	4		2	3		3	15	12		3	
42	**Xã Nhân Lý**	**7.809**	**1.656**	**20**	**3.044**	**3.044**	**-**	**770**	**1.291**	**20**	**-**	**709**	**562**	**-**	**-**	**182**	**138**	**-**	**138**	**708**	**540**	**-**	**168**	
	Ngân sách trung ương	7.421	1.575	19	2.901	2.901		740	1.210	19		649	542			172	130		130	674	514		160	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	388	81	1	143	143		30	81	1		60	20			10	8		8	34	26		8	
43	**Xã Chiến Thắng**	**15.489**	**2.065**	**-**	**9.251**	**4.612**	**4.639**	**1.040**	**1.710**	**341**	**-**	**630**	**739**	**-**	**-**	**432**	**263**	**-**	**263**	**728**	**520**	**-**	**208**	
	Ngân sách trung ương	14.723	1.960		8.808	4.391	4.417	990	1.595	325		570	700			415	255		255	700	500		200	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	766	105		443	221	222	50	115	16		60	39			17	8		8	28	20		8	
44	**Xã Quan Sơn**	**11.776**	**1.010**	**-**	**7.466**	**5.336**	**2.130**	**840**	**1.713**	**703**	**-**	**390**	**620**	**-**	**-**	**207**	**116**	**-**	**116**	**424**	**320**	**-**	**104**	
	Ngân sách trung ương	11.193	951		7.106	5.081	2.025	800	1.626	669		357	600			198	110		110	402	302		100	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	583	59		360	255	105	40	87	34		33	20			9	6		6	22	18		4	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
45	**Xã Bằng Mạc**	**6.709**	**1.617**	**210**	**2.620**	**-**	**2.620**	**315**	**1.086**	**-**	**-**	**766**	**320**	**-**	**-**	**119**	**64**	**-**	**64**	**678**	**560**	**-**	**118**	
	Ngân sách trung ương	6.351	1.535	200	2.500		2.500	300	1.006			706	300			112	60		60	638	528		110	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	358	82	10	120		120	15	80			60	20			7	4		4	40	32		8	
46	**Xã Vạn Linh**	**2.818**	**1.199**	**-**	**-**	**-**	**-**	**76**	**951**	**-**	**-**	**821**	**130**	**-**	**-**	**28**	**48**	**-**	**48**	**516**	**420**	**-**	**96**	
	Ngân sách trung ương	2.654	1.140		-			66	891			771	120			26	45		45	486	396		90	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	164	59					10	60			50	10			2	3		3	30	24		6	
47	**Xã Lộc Bình**	**2.412**	**-**	**-**	**1.960**	**-**	**1.960**	**-**	**210**	**-**	**-**	**70**	**140**	**38**	**-**	**-**	**78**	**-**	**78**	**126**	**126**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.412			1.960		1.960		210			70	140	38			78		78	126	126			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
48	**Xã Mẫu Sơn**	**5.122**	**33**	**19**	**4.557**	**542**	**4.015**	**-**	**202**	**45**	**-**	**52**	**105**	**59**	**-**	**100**	**58**	**-**	**58**	**94**	**94**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	5.095	33	18	4.531	516	4.015		202	45		52	105	59		100	58		58	94	94			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	27		1	26	26			-								-			-				
49	**Xã Na Dương**	**3.982**	**33**	**-**	**1.203**	**1.203**	**-**	**1.985**	**439**	**281**	**-**	**53**	**105**	**58**	**-**	**110**	**59**	**-**	**59**	**95**	**95**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	3.924	33		1.145	1.145		1.985	439	281		53	105	58		110	59		59	95	95			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	58			58	58			-								-			-				
50	**Xã Lợi Bác**	**3.422**	**66**	**-**	**2.709**	**1.719**	**990**	**90**	**196**	**91**	**-**	**35**	**70**	**59**	**-**	**200**	**39**	**-**	**39**	**63**	**63**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	3.339	66		2.626	1.636	990	90	196	91		35	70	59		200	39		39	63	63			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	83			83	83			-								-			-				
51	**Xã Thống Nhất**	**8.074**	**99**	**-**	**4.984**	**2.834**	**2.150**	**1.890**	**505**	**347**	**-**	**53**	**105**	**59**	**-**	**385**	**58**	**-**	**58**	**94**	**94**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	7.750	99		4.849	2.699	2.150	1.701	505	347		53	105	59		385	58		58	94	94			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	324			135	135		189	-								-			-				
52	**Xã Xuân Dương**	**8.041**	**66**	**-**	**6.321**	**4.921**	**1.400**	**-**	**1.160**	**1.003**	**-**	**52**	**105**	**40**	**-**	**300**	**59**	**-**	**59**	**95**	**95**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	7.806	66		6.086	4.686	1.400		1.160	1.003		52	105	40		300	59		59	95	95			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	235			235	235			-								-			-				
53	**Xã Khuất Xá**	**1.302**	**-**	**-**	**900**	**-**	**900**	**-**	**137**	**32**	**-**	**35**	**70**	**39**	**-**	**124**	**39**	**-**	**39**	**63**	**63**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.302			900		900		137	32		35	70	39		124	39		39	63	63			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
54	**Xã Hữu Lũng**	**344**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**344**	**344**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	344			-				344	344							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
55	**Xã Tuấn Sơn**	**548**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**548**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	548			-			548	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
56	**Xã Cai Kinh**	**548**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**548**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	548			-			548	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
57	**Xã Thiện Tân**	**5.096**	**-**	**-**	**4.000**	**-**	**4.000**	**1.096**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	5.096			**4.000**		4.000	1.096	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-			-	-								-			-				
58	**Xã Hoà Bình**	**7.096**	**-**	**-**	**6.000**	**-**	**6.000**	**1.096**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	6.351			5.255		5.255	1.096	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	745			745		745	-	-								-			-				
59	**Xã Hữu Liên**	**2.000**	**-**	**-**	**2.000**	**-**	**2.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.000			2.000		2.000		-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-			-				-								-			-				
60	**Phường Đông Kinh**	**680**	**-**	**-**	**362**	**-**	**362**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**63**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**255**	**255**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	665			362		362		-					60						243	243			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	15			-				-					3						12	12			
61	**Phường Tam Thanh**	**353**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**63**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**290**	**255**	**-**	**35**	
	Ngân sách trung ương	336							-					60						276	243		33	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	17							-					3						14	12		2	
62	**Phường Lương Văn Tri**	**351**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**62**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**289**	**254**	**-**	**35**	
	Ngân sách trung ương	334							-					59						275	242		33	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	17							-					3						14	12		2	
63	**Phường Kỳ Lừa**	**2.037**	**-**	**-**	**1.287**	**-**	**1.287**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**62**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**288**	**254**	**-**	**34**	
	Ngân sách trung ương	2.021	-		1.287		1.287	400	-					59						275	242		33	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	16							-					3						13	12		1	

Ghi chú:
Dự toán huyện Hữu Lũng không phân bổ cho 02 xã (Vân Nham, Tân Thành)

PHỤ LỤC B

BIỂU 7: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 - ĐƠN VỊ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	**Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Dự toán giao 2025	**155.561**	**25.159**	**25.159**	**-**	**31.513**	**25.274**	**19.881**	**5.393**	**7.685**	**7.685**	**-**	**-**	**17.160**	**13.337**	**8.437**	**4.899**	**18.809**	**12.194**	**6.614**	
	Ngân sách trung ương	152.882	25.000	25.000	-	30.768	25.100	19.767	5.333	7.659	7.659	-	-	15.600	13.330	8.432	4.897	18.801	12.188	6.612	-
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	2.679	159	159	-	745	174	114	60	26	26	-	-	1.560	7	5	2	8	6	2	
I	**Thu hồi về cấp 0 tỉnh**	**20.766**	**-**	**-**	**-**	**-**	**921**	**648**	**273**	**3.332**	**3.332**	**-**	**-**	**-**	**843**	**587**	**255**	**1.066**	**729**	**336**	
	Ngân sách trung ương	20.698	-	-	-	-	894	629	265	3.306	3.306	-	-	-	836	582	253	1.058	723	334	
	Trong đó chưa phân bổ chi tiết	14.605																			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	68					27	19	8	26	26	-	-	-	7	5	2	8	6	2	
II	**Đơn vị dự toán cấp tỉnh**	**9.473**	**-**	**-**	**-**	**-**	**5.120**	**-**	**5.120**	**4.353**	**4.353**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	9.421	-	-	-	-	5.068	-	5.068	4.353	4.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách tỉnh	52					**52**	**-**	52												
1	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**4.353**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.353**	**4.353**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Ngân sách trung ương	4.353	-	-	-	-	-	-	-	4.353	4.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	**Sở Y tế**	**5.120**	**-**	**-**	**-**	**-**	**5.120**	**-**	**5.120**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	5.068	-	-	-	-	5.068	-	5.068	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	52					52	-	52												
III	**Đơn vị cấp xã**	**123.302**	**25.159**	**25.159**	**-**	**31.513**	**19.233**	**19.233**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**17.160**	**12.494**	**7.850**	**4.644**	**17.743**	**11.465**	**6.278**	
	Ngân sách trung ương	120.743	25.000	25.000	-	30.768	19.138	19.138	-	-	-	-	-	15.600	12.494	7.850	4.644	17.743	11.465	6.278	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	2.559	159	159	-	745	95	95	-	-	-	-	-	1.560	-	-	-	-	-	-	
1	**Xã Đình Lập**	**770**	**-**	**-**	**-**	**350**	**250**	**250**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**120**	**100**	**20**	**50**	**30**	**20**	
	Ngân sách trung ương	770	-			350	250	250		-					120	100	20	50	30	20	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-	-				-			-					-			-			
2	**Xã Châu Sơn**	**1.120**	**-**	**-**	**-**	**400**	**400**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**230**	**200**	**30**	**90**	**60**	**30**	
	Ngân sách trung ương	1.120	-			400	400	400		-					230	200	30	90	60	30	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-	-				-			-					-			-			
3	**Xã Kiên Mộc**	**1.810**	**-**	**-**	**-**	**950**	**600**	**600**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**140**	**100**	**40**	**120**	**80**	**40**	
	Ngân sách trung ương	1.810	-			950	600	600		-					140	100	40	120	80	40	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-	-				-			-					-			-			
4	**Xã Thái Bình**	**1.517**	**-**	**-**	**-**	**700**	**587**	**587**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**140**	**100**	**40**	**90**	**60**	**30**	
	Ngân sách trung ương	1.517	-			700	587	587		-					140	100	40	90	60	30	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-	-				-			-					-			-			
5	**Xã Bình Gia**	**1.072**	**-**	**-**	**-**	**500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**176**	**117**	**75**	**42**	**279**	**193**	**86**	
	Ngân sách trung ương	1.056				500								160	117	75	42	279	193	86	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	16												16							
6	**Xã Tân Văn**	**2.059**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.650**	**123**	**80**	**43**	**286**	**196**	**90**	
	Ngân sách trung ương	1.909												1.500	123	80	43	286	196	90	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	150												150							
7	**Xã Hồng Phong**	**1.424**	**-**	**-**	**-**	**-**	**400**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**638**	**116**	**76**	**40**	**270**	**185**	**85**	
	Ngân sách trung ương	1.366					400	400						580	116	76	40	270	185	85	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	58												58							
8	**Xã Hoa Thám**	**4.306**	**2.432**	**2.432**	**-**	**-**	**454**	**454**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.056**	**114**	**76**	**38**	**250**	**175**	**75**	
	Ngân sách trung ương	4.178	2.400	2.400			454	454						960	114	76	38	250	175	75	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	128	32	32										96							
9	**Xã Quý Hoà**	**4.732**	**2.432**	**2.432**	**-**	**400**	**490**	**490**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.122**	**78**	**50**	**28**	**210**	**145**	**65**	
	Ngân sách trung ương	4.598	2.400	2.400		400	490	490						1.020	78	50	28	210	145	65	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	134	32	32										102							
10	**Xã Thiện Thuật**	**5.967**	**2.431**	**2.431**	**-**	**-**	**1.330**	**1.330**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.804**	**122**	**80**	**42**	**280**	**190**	**90**	
	Ngân sách trung ương	5.772	2.400	2.400			1.330	1.330						1.640	122	80	42	280	190	90	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	195	31	31										164							
11	**Xã Thiện Long**	**6.489**	**2.432**	**2.432**	**-**	**1.950**	**904**	**904**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**814**	**116**	**78**	**38**	**273**	**185**	**88**	
	Ngân sách trung ương	6.383	2.400	2.400		1.950	904	904						740	116	78	38	273	185	88	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	106	32	32										74							
12	**Xã Thiện Hoà**	**4.386**	**2.432**	**2.432**	**-**	**500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.056**	**120**	**80**	**40**	**278**	**190**	**88**	
	Ngân sách trung ương	4.258	2.400	2.400		500								960	120	80	40	278	190	88	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	128	32	32										96							
13	**Xã Thất Khê**	**450**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**450**	**300**	**150**	
	Ngân sách trung ương	450																450	300	150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
14	**Xã Kháng Chiến**	**745**	**-**	**-**	**-**	**295**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**450**	**300**	**150**	
	Ngân sách trung ương	745				295												450	300	150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	**-**																			

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
15	**Xã Quốc Việt**	**600**	**-**	**-**	**-**	**300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**300**	**200**	**100**	
	Ngân sách trung ương	600				300												300	200	100	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
16	**Xã Quốc Khánh**	**1.050**	**-**	**-**	**-**	**300**	**300**	**300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**450**	**300**	**150**	
	Ngân sách trung ương	1.050				300	300	300										450	300	150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
17	**Xã Tràng Định**	**450**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**450**	**300**	**150**	
	Ngân sách trung ương	450																450	300	150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
18	**Xã Tân Tiến**	**450**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**450**	**300**	**150**	
	Ngân sách trung ương	450																450	300	150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
19	**Xã Đoàn Kết**	**450**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**450**	**300**	**150**	
	Ngân sách trung ương	450																450	300	150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
20	**Xã Na Sầm**	**1.585**	**-**	**-**	**-**	**400**	**400**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**350**	**150**	**200**	**435**	**375**	**60**	
	Ngân sách trung ương	1.585				400	400	400					-	-	350	150	200	435	375	60	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
21	**Xã Hoàng Văn Thụ**	**2.436**	**-**	**-**	**-**	**800**	**435**	**435**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**580**	**300**	**280**	**621**	**531**	**90**	
	Ngân sách trung ương	2.436				800	435	435					-	-	580	300	280	621	531	90	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
22	**Xã Hội Hoan**	**655**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**335**	**200**	**135**	**320**	**220**	**100**	
	Ngân sách trung ương	655											-	-	335	200	135	320	220	100	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
23	**Xã Văn Lãng**	**1.390**	**-**	**-**	**-**	**-**	**400**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**545**	**350**	**195**	**445**	**360**	**85**	
	Ngân sách trung ương	1.390					400	400					-	-	545	350	195	445	360	85	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
24	**Xã Thụy Hùng**	**1.140**	**-**	**-**	**-**	**-**	**400**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**365**	**200**	**165**	**375**	**320**	**55**	
	Ngân sách trung ương	1.140					400	400					-	-	365	200	165	375	320	55	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
25	**Xã Đồng Đăng**	**3.370**	**-**	**-**	**-**	**1.200**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.000**	**500**	**500**	**1.170**	**500**	**670**	
	Ngân sách trung ương	3.370				1.200									1.000	500	500	1.170	500	670	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
26	**Xã Cao Lộc**	**1.990**	**-**	**-**	**-**	**700**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**600**	**300**	**300**	**690**	**300**	**390**	
	Ngân sách trung ương	1.990				700									600	300	300	690	300	390	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
27	**Xã Công Sơn**	**2.013**	**-**	**-**	**-**	**700**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**600**	**300**	**300**	**713**	**300**	**413**	
	Ngân sách trung ương	2.013				700									600	300	300	713	300	413	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
28	**Xã Ba Sơn**	**2.030**	**-**	**-**	**-**	**700**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**600**	**300**	**300**	**730**	**300**	**430**	
	Ngân sách trung ương	2.030				700									600	300	300	730	300	430	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
29	**Phường Kỳ Lừa**	**1.720**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**800**	**400**	**400**	**920**	**400**	**520**	
	Ngân sách trung ương	1.720													800	400	400	920	400	520	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
30	**Phường Đông Kinh**	**945**	**-**	**-**	**-**	**515**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**200**	**100**	**100**	**230**	**100**	**130**	
	Ngân sách trung ương	930				500									200	100	100	230	100	130	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	15				15															
31	**Phường Tam Thanh**	**541**	**-**	**-**	**-**	**541**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	525				525															
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	16				16															
32	**Phường Lương Văn Tri**	**515**	**-**	**-**	**-**	**515**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	500				500															
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	15				15															
33	**Xã Bắc Sơn**	**860**	**-**	**-**	**-**	**470**	**390**	**390**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	860				470	390	390	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
34	**Xã Hưng Vũ**	**1.360**	**-**	**-**	**-**	**1.360**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.360				1.360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
35	**Xã Vũ Lăng**	**1.720**	**-**	**-**	**-**	**560**	**1.160**	**1.160**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.720				560	1.160	1.160	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
36	**Xã Tân Tri**	**1.525**	**-**	**-**	**-**	**470**	**1.055**	**1.055**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.525				470	1.055	1.055	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
37	**Xã Vũ Lễ**	**1.470**	**-**	**-**	**-**	**1.470**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.470				1.470	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
38	**Xã Nhất Hoà**	**1.802**	**-**	**-**	**-**	**1.132**	**670**	**670**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.802				1.132	670	670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
39	**Xã Na Dương**	**1.328**	**-**	**-**	**-**	**1.268**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**60**	**60**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.292	-			1.232	-			-					-			60	60		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	36	-			36	-			-					-			-			
40	**Xã Lộc Bình**	**80**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**80**	**80**	**-**	
	Ngân sách trung ương	80	-				-			-					-			80	80		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-	-				-			-					-			-			
41	**Xã Mẫu Sơn**	**1.028**	**-**	**-**	**-**	**473**	**495**	**495**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**60**	**60**		
	Ngân sách trung ương	1.014	-			459	495	495		-					-			60	60		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	14	-			14	-			-					-			-			
42	**Xã Thống Nhất**	**2.815**	**-**	**-**	**-**	**2.755**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**60**	**60**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.734	-			2.674	-			-					-			60	60		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	81	-			81	-			-					-			-			
43	**Xã Khuất Xá**	**40**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**40**	**40**		
	Ngân sách trung ương	40	-				-			-					-			40	40		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-	-				-			-					-			-			
44	**Xã Lợi Bác**	**1.020**	**-**	**-**	**-**	**-**	**980**	**980**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**40**	**40**		
	Ngân sách trung ương	1.020	-				980	980		-					-			40	40		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-	-				-			-					-			-			
45	**Xã Xuân Dương**	**1.659**	**-**	**-**	**-**	**865**	**734**	**734**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**60**	**60**		
	Ngân sách trung ương	1.570	-			840	670	670		-					-			60	60		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	89	-			25	64	64		-					-			-			
46	**Xã Hữu Lũng**	**560**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**205**	**150**	**55**	**355**	**285**	**70**	
	Ngân sách trung ương	560					-								205	150	55	355	285	70	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-					-								-			-			
47	**Xã Tuấn Sơn**	**555**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**205**	**150**	**55**	**350**	**285**	**65**	
	Ngân sách trung ương	555					-								205	150	55	350	285	65	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-					-								-			-			
48	**Xã Tân Thành**	**865**	**-**	**-**	**-**	**-**	**300**	**300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**210**	**150**	**60**	**355**	**285**	**70**	
	Ngân sách trung ương	865					300	300							210	150	60	355	285	70	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-					-								-			-			
49	**Xã Thiện Tân**	**2.180**	**-**	**-**	**-**	**950**	**660**	**660**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**220**	**150**	**70**	**350**	**285**	**65**	
	Ngân sách trung ương	2.149				950	629	629							220	150	70	350	285	65	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	31					31	31							-			-			
50	**Xã Yên Bình**	**2.050**	**-**	**-**	**-**	**475**	**1.000**	**1.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**220**	**150**	**70**	**355**	**285**	**70**	
	Ngân sách trung ương	1.935				360	1.000	1.000							220	150	70	355	285	70	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	115				115	-								-			-			
51	**Xã Cai Kinh**	**1.340**	**-**	**-**	**-**	**475**	**300**	**300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**210**	**150**	**60**	**355**	**285**	**70**	
	Ngân sách trung ương	1.225				360	300	300							210	150	60	355	285	70	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	115				115	-								-			-			
52	**Xã Vân Nham**	**545**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**205**	**150**	**55**	**340**	**285**	**55**	
	Ngân sách trung ương	545					-								205	150	55	340	285	55	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-					-								-			-			
53	**xã Hữu Liên**	**685**	**-**	**-**	**-**	**-**	**300**	**300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**150**	**100**	**50**	**235**	**190**	**45**	
	Ngân sách trung ương	685					300	300							150	100	50	235	190	45	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-					-											-			
54	**Xã Chi Lăng**	**126**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**24**	**-**	**24**	**102**	**70**	**32**	
	Ngân sách trung ương	126													24		24	102	70	32	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
55	**Xã Nhân Lý**	**543**	**-**	**-**	**-**	**391**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**29**	**-**	**29**	**123**	**85**	**38**	
	Ngân sách trung ương	543				391	-								29		29	123	85	38	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
56	**Xã Chiến Thắng**	**2.173**	**-**	**-**	**-**	**494**	**1.219**	**1.219**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**251**	**200**	**51**	**209**	**139**	**70**	
	Ngân sách trung ương	2.159				480	1.219	1.219							251	200	51	209	139	70	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	14				14															
57	**Xã Quan Sơn**	**2.598**	**-**	**-**	**-**	**2.249**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**233**	**205**	**28**	**116**	**80**	**36**	**-**
	Ngân sách trung ương	2.339				1.990	-								233	205	28	116	80	36	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	259				259															
58	**Xã Bằng Mạc**	**1.746**	**-**	**-**	**-**	**1.640**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**20**	**-**	**20**	**86**	**60**	**26**	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	**Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Ngân sách trung ương	1.706				1.600	-								20		20	86	60	26	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	40				40															
59	**Xã Vạn Linh**	**745**	**-**	**-**	**-**	**-**	**620**	**620**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**24**	**-**	**24**	**101**	**70**	**31**	
	Ngân sách trung ương	745					620	620							24		24	101	70	31	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	-																			
60	**Xã Văn Quan**	**6.019**	**2.800**	**2.800**	**-**	**-**	**500**	**500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.200**	**358**	**300**	**58**	**161**	**101**	**60**	
	Ngân sách trung ương	5.819	2.800	2.800			500	500						2.000	358	300	58	161	101	60	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	200	-				-							200	-			-			
61	**Xã Điềm He**	**4.260**	**3.600**	**3.600**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**132**	**358**	**300**	**58**	**170**	**105**	**65**	
	Ngân sách trung ương	4.248	3.600	3.600			-							120	358	300	58	170	105	65	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	12	-				-							12	-			-			
62	**Xã Yên Phúc**	**3.532**	**2.000**	**2.000**	**-**	**-**	**500**	**500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**484**	**363**	**300**	**63**	**185**	**115**	**70**	
	Ngân sách trung ương	3.488	2.000	2.000			500	500						440	363	300	63	185	115	70	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	44	-				-							44	-			-			
63	**Xã Tri Lễ**	**9.110**	**1.800**	**1.800**	**-**	**1.000**	**1.000**	**1.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.708**	**377**	**300**	**77**	**225**	**140**	**85**	
	Ngân sách trung ương	8.682	1.800	1.800		1.000	1.000	1.000						4.280	377	300	77	225	140	85	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	428	-				-							428	-			-			
64	**Xã Tân Đoàn**	**3.998**	**2.800**	**2.800**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**220**	**563**	**400**	**163**	**415**	**215**	**200**	
	Ngân sách trung ương	3.978	2.800	2.800			-							200	563	400	163	415	215	200	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	20	-				-							20	-			-			
65	**Xã Khánh Khê**	**2.788**	**-**	**-**	**-**	**300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.100**	**758**	**500**	**258**	**630**	**305**	**325**	
	Ngân sách trung ương	2.688	-			300	-							1.000	758	500	258	630	305	325	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	100	-				-							100	-			-			
IV	**Đã chuyển vốn SN sang vốn ĐT**	**2.020**																			
	Ngân sách trung ương (chuyển sang đầu tư)	2.020																			Tràng Định

PHỤ LỤC B

BIỂU 8: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 - SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	**Dự toán giao 2025**	**64.664**	**12.720**	**9.107**	**14.237**	**580**	**3.030**	**15.480**	**3.180**	**1.600**	**1.850**	**2.880**	
	Ngân sách trung ương	33.280	5.760	6.780	6.610	480	1.960	6.100	1.430	1.130	750	2.280	
	Ngân sách tỉnh	28.583	6.760	1.290	7.393	100	1.070	8.460	1.610	420	880	600	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	2.801	200	1.037	234	0	0	920	140	50	220	0	
I	**Chuyển về cấp 0 tỉnh**	**17.253**	**6.150**	**1.440**	**3.483**	**0**	**1.440**	**2.116**	**200**	**440**	**570**	**1.414**	
	Ngân sách trung ương	8.707	3.500	760	1.312	0	640	491	150	290	250	1.314	
	Ngân sách tỉnh	7.925	2.650	650	2.001	0	800	1.425	50	150	100	100	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	620	0	30	170	0	0	200	0	0	220	0	
II	**Đơn vị cấp tỉnh**	**1.088**	**0**	**0**	**878**	**180**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	
	Ngân sách trung ương	460	0	0	250	180	0	0	0	0	0	30	
	Ngân sách tỉnh	628	0	0	628	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**1.058**	**0**	**0**	**878**	**180**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	Bổ sung kinh phí cho Trung tâm GDNN - GDTX do cấp huyện chuyển về
	Ngân sách trung ương	430	0	0	250	180	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	628	0	0	628	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.1	**Trung tâm GNNN - GDTX Chi Lăng**	**280**	**0**	**0**	**100**	**180**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	280			100	180							
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0											
1.2	**Trung tâm GNNN - GDTX Đình Lập**	**485**	**0**	**0**	**485**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0											
	Ngân sách tỉnh	485			485								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0											
1.3	**Trung tâm GNNN - GDTX Bình Gia**	**293**	**0**	**0**	**293**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	150			150								
	Ngân sách tỉnh	143			143								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0											
2	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**30**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	Bổ sung kinh phí cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch do huyện Đình Lập chuyển về
	Ngân sách trung ương	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
III	**Đơn vị cấp xã**	**44.387**	**6.570**	**7.667**	**8.076**	**400**	**1.590**	**13.264**	**2.980**	**1.160**	**1.280**	**1.400**	
	Ngân sách trung ương	23.276	2.260	6.020	4.348	300	1.320	5.509	1.280	840	500	900	
	Ngân sách tỉnh	18.930	4.110	640	3.665	100	270	7.035	1.560	270	780	500	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	2.181	200	1.007	64	0	0	720	140	50	0	0	
1	**Phường Tam Thanh**	**590**	**0**	**390**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	500		300				200					
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	90		90									
2	**Phường Lương Văn Tri**	**640**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**640**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	400						400					
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	240						240					

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	**Phường Kỳ Lừa**	**1.825**	**450**	**500**	**525**	**0**	**0**	**250**	**0**	**0**	**100**	**0**	
	Ngân sách trung ương	525	0	0	400	0	0	125	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	600	250	0	125	0	0	125	0	0	100	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	700	200	500	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	**Phường Đông Kinh**	**1.720**	**250**	**390**	**180**	**0**	**0**	**800**	**0**	**100**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	750	250	300	0	0	0	200	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	880	0	0	180	0	0	600	0	100	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	90	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	**Xã Hữu Lũng**	**907**	**0**	**0**	**150**	**0**	**0**	**644**	**0**	**0**	**0**	**114**	
	Ngân sách trung ương	312			150			49				114	
	Ngân sách tỉnh	595			0			595				0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0			0			0				0	
6	**Xã Tuấn Sơn**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0						0					
	Ngân sách tỉnh	0						0					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	200						200					
7	**Xã Tân Thành**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0											
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
8	**Xã Vân Nham**	**300**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**300**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0						0					
	Ngân sách tỉnh	300						300					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0						0					
9	**Xã Thiện Tân**	**430**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**230**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0			0			0					
	Ngân sách tỉnh	430			200			230					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0			0			0					

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10	**Xã Hữu Liên**	**350**	**0**	**0**	**350**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	350			350								
	Ngân sách tỉnh	0			0								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0			0								
11	**Xã Cai Kinh**	**380**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**80**	**300**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	380						80	300				
	Ngân sách tỉnh	0						0	0				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0						0	0				
12	**Xã Chi Lăng**	**1.842**	**0**	**0**	**42**	**0**	**0**	**200**	**1.600**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	442			42				400				
	Ngân sách tỉnh	1.400						200	1.200				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
13	**Xã Nhân Lý**	**126**	**0**	**0**	**126**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	126			126								
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
14	**Xã Chiến Thắng**	**2.354**	**0**	**1.020**	**164**	**0**	**320**	**230**	**0**	**270**	**0**	**350**	
	Ngân sách trung ương	2.024		1.020	64		320	200		270		150	
	Ngân sách tỉnh	330			100			30				200	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
15	**Xã Quan Sơn**	**42**	**0**	**0**	**42**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	42			42								
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
16	**Xã Bằng Mạc**	**2.464**	**650**	**0**	**884**	**0**	**0**	**900**	**0**	**30**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.464	250		884			300		30			
	Ngân sách tỉnh	1.000	400					600					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
17	**Xã Vạn Linh**	**692**	**650**	**0**	**42**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	292	250		42								
	Ngân sách tỉnh	400	400										
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
18	**Xã Đồng Đăng**	**1.189**	**250**	**0**	**464**	**0**	**0**	**375**	**0**	**0**	**100**	**0**	
	Ngân sách trung ương	375	250					125					
	Ngân sách tỉnh	814			464			250			100		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
19	**Xã Công Sơn**	**841**	**0**	**0**	**541**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**100**	**0**	
	Ngân sách trung ương	600			400			100			100		
	Ngân sách tỉnh	141			141								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	100						100					
20	**Xã Ba Sơn**	**1.808**	**0**	**1.200**	**358**	**0**	**0**	**250**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.450		1.000	200			250					
	Ngân sách tỉnh	158			158								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	200		200									
21	**Xã Lộc Bình**	**3.227**	**0**	**2.127**	**1.100**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.500		1.500									
	Ngân sách tỉnh	1.600		500	1.100								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	127		127									
22	**Xã Mẫu Sơn**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0											
	Ngân sách tỉnh	200									200		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
23	**Xã Xuân Dương**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0											
	Ngân sách tỉnh	200									200		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
24	**Xã Đình Lập**	**1.565**	**0**	**110**	**497**	**0**	**191**	**544**	**5**	**127**	**0**	**91**	
	Ngân sách trung ương	907		75	383		150	158		86	0	55	
	Ngân sách tỉnh	658		35	114		41	386	5	41		36	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
25	**Xã Châu Sơn**	**2.040**	**0**	**110**	**506**	**0**	**193**	**982**	**15**	**141**	**0**	**93**	
	Ngân sách trung ương	1.241		75	389		150	464	10	98		55	
	Ngân sách tỉnh	799		35	117		43	518	5	43		38	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
26	**Xã Kiên Mộc**	**1.910**	**0**	**110**	**506**	**0**	**193**	**852**	**15**	**141**	**0**	**93**	
	Ngân sách trung ương	1.141		75	389		150	364	10	98		55	
	Ngân sách tỉnh	769		35	117		43	488	5	43		38	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
27	**Xã Thái Bình**	**1.810**	**0**	**110**	**506**	**0**	**193**	**752**	**15**	**141**	**0**	**93**	
	Ngân sách trung ương	1.041		75	389		150	264	10	98		55	
	Ngân sách tỉnh	769		35	117		43	488	5	43		38	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
28	**Xã Na Sầm**	**800**	**400**	**0**	**0**	**0**	**0**	**400**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	400	400										
	Ngân sách tỉnh	400						400					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0										
29	**Xã Văn Lãng**	**200**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	200	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
30	**Xã Thụy Hùng**	**709**	**709**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	709	709	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
31	**Xã Hoàng Văn Thụ**	**1.691**	**1.191**	**0**	**0**	**300**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	
	Ngân sách trung ương	900	400	0	0	300	0	0	0	0	200	0	
	Ngân sách tỉnh	791	791	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
32	**Xã Thất Khê**	**1.520**	**380**	**0**	**497**	**0**	**70**	**300**	**31**	**80**	**0**	**161**	
	Ngân sách trung ương	640			98		70	200	31	80		161	
	Ngân sách tỉnh	880	380		400			100					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
33	**Xã Đoàn Kết**	**97**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**50**	**47**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	97						50	47				
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
34	**Xã Tân Tiến**	**47**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**47**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	47							47				
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
35	**Xã Tràng Định**	**147**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**100**	**47**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	147						100	47				
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
36	**Xã Quốc Khánh**	**867**	**320**	**0**	**0**	**0**	**0**	**500**	**47**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	447						400	47				
	Ngân sách tỉnh	420	320					100					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
37	**Xã Kháng Chiến**	**379**	**0**	**0**	**0**	**0**	**230**	**100**	**49**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	379					230	100	49				
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
38	**Xã Quốc Việt**	**81**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**50**	**31**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	81						50	31				
	Ngân sách tỉnh	0											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
39	**Xã Văn Quan**	**715**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**350**	**0**	**100**	**20**	**245**	
	Ngân sách trung ương	365						130		80		155	
	Ngân sách tỉnh	310						200			20	90	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	40						20		20			
40	**Xã Điềm He**	**1.084**	**0**	**0**	**194**	**0**	**0**	**510**	**240**	**30**	**30**	**80**	
	Ngân sách trung ương	50										50	
	Ngân sách tỉnh	640			130			350	100		30	30	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	394			64			160	140	30			
41	**Xã Yên Phúc**	**430**	**0**	**0**	**170**	**0**	**0**	**150**	**0**	**0**	**30**	**80**	
	Ngân sách trung ương	50										50	
	Ngân sách tỉnh	380			170			150			30	30	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
42	**Xã Tân Đoàn**	**125**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**125**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	125	0	0	0	0	0	125	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
43	**Xã Khánh Khê**	**32**	**0**	**0**	**32**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	32	0	0	32	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
44	**Xã Bình Gia**	**330**	**30**	**0**	**0**	**0**	**0**	**100**	**0**	**0**	**200**	**0**	
	Ngân sách trung ương	180	30					50			100		
	Ngân sách tỉnh	150						50			100		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
45	**Xã Tân Văn**	**660**	**160**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**300**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	260	10					100	150				
	Ngân sách tỉnh	400	150					100	150				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
46	**Xã Hồng Phong**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	100						100					
	Ngân sách tỉnh	100						100					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
47	**Xã Hoa Thám**	**280**	**80**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	180	80					100					
	Ngân sách tỉnh	100						100					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
48	**Xã Quý Hoà**	**160**	**160**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	80	80										
	Ngân sách tỉnh	80	80										
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
49	**Xã Thiện Hoà**	**150**	**30**	**0**	**0**	**0**	**120**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	90	30				60						
	Ngân sách tỉnh	60					60						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
50	**Xã Thiện Thuật**	**410**	**30**	**0**	**0**	**0**	**80**	**300**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	220	30				40	150					
	Ngân sách tỉnh	190					40	150					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
51	**Xã Thiện Long**	**230**	**30**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	100						100					
	Ngân sách tỉnh	130	30					100					
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
52	**Xã Vũ Lăng**	**1.000**	**300**	**300**	**0**	**50**	**0**	**200**	**50**	**0**	**100**	**0**	
	Ngân sách trung ương	650	0	300	0	0	0	200	50	0	100		
	Ngân sách tỉnh	350	300	0	0	50	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
53	**Xã Nhất Hoà**	**1.490**	**0**	**1.000**	**0**	**0**	**0**	**400**	**90**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.200	0	1.000	0	0	0	200	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	290	0	0	0	0	0	200	90	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
54	**Xã Vũ Lễ**	**900**	**300**	**300**	**0**	**50**	**0**	**200**	**50**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	550	0	300	0	0	0	200	50	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	350	300	0	0	50	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0											
IV	**Đã chuyển vốn SN sang vốn ĐT**	**1.937**	**0**	**0**	**1.800**	**0**	**0**	**100**	**0**	**0**	**0**	**37**	**Huyện Tràng Định chuyển sang vốn đầu tư**
	Ngân sách trung ương	837			700			100				37	
	Ngân sách tỉnh	1.100			1.100								

PHỤ LỤC B

BIỂU 9: TỔNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng				CTMTQG xây dựng nông thôn mới				CTMTQG giảm nghèo bền vững				CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số				Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG	**381.053**	**356.680**	**13.016**	**11.356**	**36.868**	**21.393**	**12.313**	**3.161**	**48.157**	**46.936**	**703**	**518**	**296.028**	**288.352**	**-**	**7.676**	
I	**THU HỒI VỀ CẤP 0 TỈNH**	**172.012**	**164.818**	**3.183**	**4.011**	**11.128**	**7.526**	**3.183**	**419**	**17.127**	**16.809**	**-**	**317**	**143.757**	**140.483**		**3.274**	
II	**ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH**	**46.707**	**45.667**	**566**	**474**	**1.661**	**1.095**	**566**	**-**	**3.679**	**3.679**	**-**	**-**	**41.367**	**40.893**	**-**	**474**	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	11.995	11.127	538	330	1.227	688	538		3.557	3.557			7.212	6.882		330	
2	Sở Y tế	1.741	1.593	4	144	4		4		122	122			1.615	1.471		144	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	431	407	24	-	431	407	24		-				-				
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	32.540	32.540	-	-	-				-				32.540	32.540			
III	**KHỐI XÃ**	**161.283**	**145.419**	**8.993**	**6.871**	**23.072**	**12.040**	**8.290**	**2.742**	**27.307**	**26.403**	**703**	**201**	**110.904**	**106.976**	**-**	**3.928**	
1	Xã Đồng Đăng	650	342	56	252	322	15	56	251	32	31		1	296	296			
2	Xã Cao Lộc	4.031	3.864	141	26	141	-	141	-	1.187	1.161		26	2.703	2.703			
3	Xã Công Sơn	4.286	4.051	81	154	186	-	81	105	1.630	1.581		49	2.470	2.470			
4	Xã Ba Sơn	2.777	2.457	101	219	315	2	94	219	299	292	7		2.163	2.163			
5	Phường Tam Thanh	1.495	898	462	135	1.495	898	462	135	-				-				
6	Phường Lương Văn Tri	2.177	1.540	243	394	2.177	1.540	243	394	-				-				
7	Phường Kỳ Lừa	2.188	1.414	774	-	979	205	774	-	153	153			1.056	1.056			
8	Phường Đông Kinh	2.215	1.512	300	403	2.073	1.370	300	403	142	142			-				
9	Xã Hữu Lũng	1.489	1.489	-	-	-				49	49			1.440	1.440			
10	Xã Tuấn Sơn	635	632	-	3	100	100			112	112			423	420		3	
11	Xã Tân Thành	499	474	23	2	46	23	23		241	241			212	210		2	
12	Xã Vân Nham	284	279	-	5	20	20			-				264	259		5	
13	Xã Thiện Tân	1.461	1.372	81	8	116	58	58		1.039	1.016	23		306	298		8	
14	Xã Yên Bình	2.346	2.296	31	19	31	-	31		608	608			1.707	1.688		19	
15	Xã Hữu Liên	305	118	-	187	58			58	125			125	122	118		4	
16	Xã Cai Kinh	1.132	954	-	178	231	81		150	189	189			712	684		28	
17	Xã Thất Khê	527	495	32	-	39	7	32	-	-				488	488			
18	Xã Đoàn Kết	176	20	156	-	176	20	156	-	-				-				
19	Xã Tân Tiến	103	73	30	-	103	73	30		-				-				
20	Xã Tràng Định	322	222	100	-	118	18	100		4	4			200	200			
21	Xã Quốc Khánh	441	220	221	-	441	220	221		-				-				
22	Xã Kháng Chiến	747	565	182	-	421	239	182		-				326	326			
23	Xã Quốc Việt	123	67	56	-	111	55	56		-				12	12			
24	Xã Bắc Sơn	231	149	25	57	58	33	25		28	28			145	88		57	
25	Xã Hưng Vũ	2.617	2.344	3	270	15	8	3	4	96	96			2.506	2.240		266	
26	Xã Vũ Lăng	453	228	39	186	139		39	100	103	103			211	125		86	
27	Xã Nhất Hoà	1.069	659	39	371	96		39	57	128	128			845	531		314	
29	Xã Vũ Lễ	268	141	1	126	210	89	1	120	47	47			11	5		6	
28	Xã Tân Tri	5.510	5.142	7	361	160	153	7	-	275	275			5.075	4.714		361	
30	Xã Đình Lập	1.024	921	-	103	37	16	-	21	54	54			933	851		82	
31	Xã Châu Sơn	5.794	5.217	110	467	944	556	110	278	391	391			4.459	4.270		189	
32	Xã Kiên Mộc	4.241	3.481	700	60	1.561	840	700	21	591	591			2.089	2.050		39	
33	Xã Thái Bình	5.043	4.716	6	321	219	67	-	152	57	51	6		4.767	4.598		169	
34	Xã Bình Gia	637	395	242	-	319	100	219		254	231	23		64	64			
35	Xã Tân Văn	1.087	1.033	52	2	-				212	160	52		875	873		2	
36	Xã Hồng Phong	2.219	2.161	46	12	62	42	20		270	244	26		1.887	1.875		12	
37	Xã Hoa Thám	6.120	6.023	84	13	32	32			989	905	84		5.099	5.086		13	
38	Xã Quý Hòa	1.755	1.714	17	24	-				27	10	17		1.728	1.704		24	
39	Xã Thiện Hòa	2.856	2.706	150	-	268	160	108		377	335	42		2.211	2.211			
40	Xã Thiện Thuật	3.864	3.757	64	43	272	236	36		359	331	28		3.233	3.190		43	
41	Xã Thiện Long	3.830	3.674	112	44	262	168	94		48	30	18		3.520	3.476		44	

STT	Đơn vị	Tổng				CTMTQG xây dựng nông thôn mới				CTMTQG giảm nghèo bền vững				CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số				Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	
42	Xã Lộc Bình	2.237	673	734	830	952	218	734		-				1.285	455		830	
43	Xã Mẫu Sơn	2.660	1.750	910	-	910		910		18	18			1.732	1.732			
44	Xã Na Dương	139	113	2	24	79	55		24	7	5	2		53	53			
45	Xã Lợi Bác	127	101	26	-	48	48			44	18	26		35	35			
46	Xã Thống Nhất	184	153	9	22	90	90			15	6	9		79	57		22	
47	Xã Xuân Dương	571	260	250	61	385	119	235	31	74	59	15		112	82		30	
48	Xã Khuất Xá	138	69	69	-	45	2	43		93	67	26		-				
49	Xã Chi Lăng	281	264	8	9	2	2			245	237	8		34	25		9	
50	Xã Bằng Mạc	1.031	873	138	20	219	89	125	5	95	82	13		717	702		15	
51	Xã Chiến Thắng	17.905	16.824	145	936	475	346	129	-	284	268	16		17.146	16.210		936	
52	Xã Quan Sơn	1.296	1.205	14	77	138	138			71	57	14		1.087	1.010		77	
53	Xã Nhân Lý	1.528	1.348	127	53	638	513	125		62	60	2		828	775		53	
54	Xã Vạn Linh	523	418	105	-	54	-	54		170	119	51		299	299			
55	Xã Văn Quan	8.131	8.057	61	13	1.201	1.174	23	4	2.593	2.555	38		4.337	4.328		9	
56	Xã Điềm He	3.567	3.378	113	76	495	392	103		988	978	10		2.084	2.008		76	
57	Xã Tri Lễ	6.410	6.192	186	32	157		157		849	820	29		5.404	5.372		32	
58	Xã Yên Phúc	3.691	3.388	233	70	407	104	233	70	1.169	1.169			2.115	2.115			
59	Xã Tân Đoàn	1.686	1.351	190	145	769	456	173	140	867	850	17		50	45		5	
60	Xã Khánh Khê	10.314	10.051	205	58	140	36	104		3.108	3.007	101		7.066	7.008		58	
61	Xã Na Sầm	1.889	1.889	-	-	94	94			1.113	1.113			682	682			
62	Xã Văn Lãng	4.080	4.004	76	-	290	214	76		1.152	1.152			2.638	2.638			
63	Xã Hội Hoan	7.779	7.603	176	-	234	58	176		1.705	1.705			5.840	5.840			
64	Xã Thụy Hùng	2.542	2.523	19	-	210	191	19		480	480			1.852	1.852			
65	Xã Hoàng Văn Thụ	3.549	3.118	431	-	689	258	431		1.989	1.989			871	871			
IV	**Đã chuyển vốn SN sang vốn ĐT**	**1.051**	**776**	**275**	**-**	**1.007**	**732**	**275**		**44**	**44**							

PHỤ LỤC B

BIỂU 10: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI - ĐƠN VỊ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Dự toán các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025	**296.028**	**29.107**	**237**	**168.649**	**68.022**	**100.627**	**194.979**	**52.866**	**9.000**	**50**	**22.822**	**20.994**	**13.112**	**2.194**	**10.017**	**4.531**	**-**	**4.531**	**21.550**	**15.870**	**396**	**5.283**	
	Ngân sách trung ương	288.352	28.975	237	164.461	66.047	98.414	194.168	51.173	8.992	50	21.174	20.957	13.024	2.050	9.620	4.523	-	4.523	21.335	15.796	396	5.142	
	Ngân sách huyện chuyển về cấp tỉnh và cấp xã	7.676	132	-	4.188	1.975	2.213	811	1.693	8	-	1.648	37	88	144	397	8	-	8	215	74	-	141	
I	**Chuyển về cấp 0 tỉnh**	**143.757**	**238**	**-**	**47.873**	**26.180**	**21.693**	**67.420**	**15.904**	**941**	**-**	**9.031**	**5.932**	**5.964**	**3**	**2.687**	**888**	**-**	**888**	**2.780**	**990**	**91**	**1.699**	
	Ngân sách trung ương	140.483	238	-	45.986	25.070	20.916	67.143	15.368	935	-	8.528	5.905	5.892	3	2.347	880	-	880	2.626	916	91	1.619	
	Ngân sách chuyển về huyện	3.274	-	-	1.887	1.110	777	277	536	6	-	503	27	72	-	340	8	-	8	154	74	-	80	
II	**Đơn vị cấp tỉnh**	**41.367**	**117**	**-**	**-**	**-**	**-**	**32.540**	**7.095**	**449**	**-**	**6.646**	**-**	**-**	**1.615**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	40.893	111	-	-	-	-	32.540	6.771	447	-	6.324	-	-	1.471	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	474	6	-	-	-	-	-	324	2	-	322	-	-	144	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**7.212**	**117**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**7.095**	**449**	**-**	**6.646**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	6.882	111	-	-	-	-	-	6.771	447	-	6.324	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	330	6	-	-	-	-	-	324	2	-	322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	**Sở Y tế**	**1.615**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.615**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.471	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.471	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	144	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	144	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh**	**32.540**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**32.540**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	32.540	-	-	-	-	-	32.540	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	**Đơn vị cấp xã**	**110.904**	**4.698**	**-**	**75.830**	**38.720**	**37.110**	**14.430**	**10.396**	**6.737**	**-**	**1.748**	**1.911**	**2.597**	**5**	**1.024**	**687**	**-**	**687**	**1.237**	**806**	**58**	**373**	
	Ngân sách trung ương	106.976	4.572	-	73.529	37.855	35.674	13.896	9.563	6.737	-	925	1.901	2.581	5	967	687	-	687	1.176	806	58	312	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	3.928	126	-	2.301	865	1.436	534	833	-	-	823	10	16	-	57	-	-	-	61	-	-	61	
1	**Xã Đình Lập**	**933**	**135**	**-**	46	**-**	**46**	**500**	140	**-**	**-**	**31**	**109**	**7**	**-**	**36**	1	**-**	**1**	68	**24**	**1**	**43**	
	Ngân sách trung ương	851	135		-			500	140	-		31	109	3		19	1		1	53	24	1	28	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	82			46		46		-					4		17	-			15			15	
2	**Xã Châu Sơn**	**4.459**	**124**	**-**	1.331	**11**	**1.320**	**2.612**	242	**10**	**-**	**32**	**200**	**8**	**-**	**45**	5	**-**	**5**	92	**35**	**2**	**55**	
	Ngân sách trung ương	4.270	124		1.181	11	1.170	2.612	242	10		32	200	4		25	5		5	77	35	2	40	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	189			150		150		-					4		20	-			15			15	
3	**Xã Kiên Mộc**	**2.089**	**42**	**-**	124	**-**	**124**	**1.300**	474	**242**	**-**	**32**	**200**	**8**	**-**	**45**	5	**-**	**5**	91	**35**	**1**	**55**	
	Ngân sách trung ương	2.050	42		124		124	1.300	474	242		32	200	4		25	5		5	76	35	1	40	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	39			-				-					4		20	-			15			15	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
4	**Xã Thái Bình**	**4.767**	**34**	**-**	463	**-**	**463**	**3.617**	242	**10**	**-**	**32**	**200**	**8**	**-**	**5**	5	**-**	**5**	393	**342**	**35**	**16**	
	Ngân sách trung ương	4.598	34		313		313	3.617	242	10		32	200	4		5	5		5	378	342	35	1	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	169			150		150		-					4		-	-			15			15	
5	**Xã Bình Gia**	**64**	-	-	-	-	-	-	64	64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	64			-				64	64							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
6	**Xã Tân Văn**	**875**	7	-	639	-	639	-	229	229	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	873	7		637		637		229	229							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	2			2		2		-								-			-				
7	**Xã Hồng Phong**	**1.887**	24	-	1.327	1.092	235	-	536	536	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	1.875	24		1.315	1.092	223		536	536							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	12			12		12		-								-			-				
8	**Xã Hoa Thám**	**5.099**	-	-	4.484	4.253	231	-	615	615	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	5.086			4.471	4.253	218		615	615							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	13			13		13		-								-			-				
9	**Xã Quý Hoà**	**1.728**	20	-	1.412	1.036	376	-	296	296	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	1.704	20		1.388	1.036	352		296	296							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	24			24		24		-								-			-				
10	**Xã Thiện Thuật**	**3.233**	4	-	2.415	1.951	464	-	814	814	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	3.190	4		2.372	1.951	421		814	814							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	43			43		43		-								-			-				
11	**Xã Thiện Long**	**3.520**	38	-	2.717	1.667	1.050	-	765	765	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	3.476	38		2.673	1.667	1.006		765	765							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	44			44		44		-								-			-				
12	**Xã Thiện Hoà**	**2.211**	33	-	1.268	395	873	-	910	910	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân sách trung ương	2.211	33		1.268	395	873		910	910							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
13	**Xã Thất Khê**	**488**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	10	**-**	**-**	**10**	**-**	**478**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	488			-				10			10		478			-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
14	**Xã Kháng Chiến**	**326**	**-**	**-**	326	**326**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	326			326	326			-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
15	**Xã Quốc Việt**	**12**	**-**	**-**	12	**-**	**12**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	12			12		12		-								-			-				

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
16	**Xã Quốc Khánh**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	-			-				-								-			-				
	Ngân sách xã	-			-				-								-			-				
16	**Xã Tràng Định**	**200**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	200	**-**	**-**	**-**	**200**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	200			-				200				200				-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
18	**Xã Tân Tiến**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	-			-				-								-			-				
	Ngân sách xã	-			-				-								-			-				
19	**Xã Đoàn Kết**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	-			-				-								-			-				
	Ngân sách xã	-			-				-								-			-				
17	**Na Sầm**	**682**	**-**	**-**	320	**-**	**320**	**32**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**330**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	682	-	-	320	-	320	32	-	-	-	-	-	330	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
18	**Xã Hoàng Văn Thụ**	**871**	**168**	**-**	113	**48**	**65**	**-**	243	**243**	**-**	**-**	**-**	**330**	**-**	**17**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	871	168	-	113	48	65	-	243	243	-	-	-	330	-	17	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
19	**Xã Hội Hoan**	**5.840**	**152**	**-**	4.234	**1.371**	**2.863**	**98**	1.052	**1.052**	**-**	**-**	**-**	**269**	**-**	**35**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	5.840	152	-	4.234	1.371	2.863	98	1.052	1.052	-	-	-	269	-	35	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
20	**Xã Văn Lãng**	**2.638**	**11**	**-**	1.845	**1.054**	**791**	**-**	525	**525**	**-**	**-**	**-**	**213**	**-**	**44**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.638	11	-	1.845	1.054	791	-	525	525	-	-	-	213	-	44	-	-		-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
21	**Xã Thụy Hùng**	**1.852**	**-**	**-**	1.484	**183**	**1.301**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**341**	**-**	**27**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.852	-	-	1.484	183	1.301	-	-	-	-	-	-	341	-	27	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
22	**Xã Đồng Đăng**	**296**	**62**	**-**	186	**-**	**186**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**48**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	296	62	-	186	-	186	-	-	-	-	-	-	-	-	48	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
23	**Xã Cao Lộc**	**2.703**	**69**	**-**	2.108	**1.108**	**1.000**	**400**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**126**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.703	69	-	2.108	1.108	1.000	400	-	-	-	-	-	-	-	126	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
24	**Xã Công Sơn**	**2.470**	**25**	**-**	1.956	**1.001**	**955**	**183**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**81**	225	**-**	**225**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.470	25	-	1.956	1.001	955	183	-	-	-	-	-	-	-	81	225	-	225	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
25	**Xã Ba Sơn**	**2.163**	**29**	**-**	1.701	**593**	**1.108**	**200**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**83**	150	**-**	**150**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.163	29	-	1.701	593	1.108	200	-	-	-	-	-	-	-	83	150	-	150	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
26	**Xã Bắc Sơn**	**145**	18	-	74	61	13	53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	88	15	-	49	49	-	24	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	57	3		25	12	13	29	-								-			-				
27	**Xã Hưng Vũ**	**2.506**	15	-	1.581	1.030	551	899	-	-	-	-	-	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	2.240	3	-	1.363	860	503	863	-	-	-	-	-	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	266	12		218	170	48	36	-								-			-				
28	**Xã Vũ Lăng**	**211**	9	-	153	98	55	49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	125	-	-	112	81	31	13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	86	9		41	17	24	36	-								-			-				
29	**Xã Tân Tri**	**5.075**	3	-	4.967	4.824	143	105	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	4.714	3	-	4.652	4.518	134	59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	361	-		315	306	9	46	-								-			-				
30	**Xã Vũ Lễ**	**11**	6	-	5	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	5	3	-	2		2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	6	3		3		3		-								-			-				
31	**Xã Nhất Hoà**	**845**	20	-	315	237	78	510	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	531	5	-	96	59	37	430	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	314	15		219	178	41	80	-								-			-				
32	**Xã Văn Quan**	**4.337**	**109**	**-**	1.751	**884**	**867**	**-**	1.442	**253**	**-**	**419**	**770**	**-**	**-**	**350**	296	**-**	**296**	389	**190**	**19**	**180**	
	Ngân sách trung ương	4.328	109		1.742	884	858		1.442	253		419	770			350	296		296	389	190	19	180	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	9			9		9		-								-			-				
33	**Xã Điềm He**	**2.084**	**313**	**-**	1.590	**962**	**628**	**181**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.008	300		1.589	962	627	119	-							-	-		-	-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	76	13		1		1	62	-								-			-				
34	**Xã Yên Phúc**	**2.115**	**255**	**-**	1.860	**1.700**	**160**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	2.115	255		1.860	1.700	160		-							-	-		-	-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
35	**Xã Tri Lễ**	**5.404**	**241**	**-**	5.163	**4.457**	**706**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	5.372	230		5.142	4.457	685	-	-	-						-	-		-	-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	32	11		21		21		-								-			-				
36	**Xã Tân Đoàn**	**50**	**50**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	45	45		-			-	-							-	-		-	-				

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	5	5		-				-								-			-				
37	**Xã Khánh Khê**	**7.066**	**312**	**-**	6.438	**4.767**	**1.671**	**234**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**82**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	7.008	300		6.392	4.767	1.625	234	-							82	-		-	-	-		-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	58	12		46		46		-								-			-				
38	**Xã Chi Lăng**	**34**	**9**	**-**	-	-	-	**25**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách trung ương	25	-		-			25	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	9	9		-				-								-			-				
39	**Xã Nhân Lý**	**828**	**58**	**-**	262	**259**	**3**	**335**	173	**173**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	775	58		239	239		305	173	173							-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	53			23	20	3	30	-								-			-				
40	**Xã Chiến Thắng**	**17.146**	**77**	**-**	14.611	**1.110**	**13.501**	**2.320**	122	**-**	**-**	**-**	**122**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	16	**-**	**-**	**16**	
	Ngân sách trung ương	16.210	77		13.843	1.010	12.833	2.163	112				112				-			15			15	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	936			768	100	668	157	10				10				-			1			1	
41	**Xã Quan Sơn**	**1.087**	**-**	**-**	417	**382**	**35**	**560**	110	**-**	**-**	**-**	**110**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.010			368	355	13	532	110				110				-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	77			49	27	22	28	-								-			-				
42	**Xã Bằng Mạc**	**717**	**20**	**-**	340	**-**	**340**	**33**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**324**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	702	20		325	-	325	33	-					324			-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	15			15		15		-								-			-				
43	**Xã Vạn Linh**	**299**	**29**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**270**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	299	29		-				-					270			-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
44	**Xã Lộc Bình**	**1.285**	**-**	**-**	449	**50**	**399**		823	**-**	**-**	**823**	**-**	**-**	**5**	**-**	-	**-**	**-**	8	**-**	**-**	**8**	
	Ngân sách trung ương	455			442	50	392		-						5		-			8			8	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	830			7		7		823			823					-			-				
45	**Xã Mẫu Sơn**	**1.732**	**-**		1.732		**1.732**		-								-			-				
	Ngân sách trung ương	1.732			1.732		1.732		-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
46	**Xã Na Dương**	**53**	**-**		53		**53**		-								-			-				
	Ngân sách trung ương	53			53		53		-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
47	**Xã Lợi Bác**	**35**	**6**		29		**29**		-								-			-				
	Ngân sách trung ương	35	6		29		29		-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
48	**Xã Thống Nhất**	**79**	**-**		79		**79**		-								-			-				

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Ngân sách trung ương	57			57		57		-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	22			22		22		-								-			-				
49	**Xã Xuân Dương**	**112**	**-**		-		**-**	**112**	-								-			-				
	Ngân sách trung ương	82			-			82	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	30			-			30	-								-			-				
53	**Xã Khuất Xá**	**-**	**-**		-		**-**		-								-			-				
	Ngân sách trung ương	-			-				-								-			-				
	Ngân sách xã	-			-				-								-			-				
50	**Xã Hữu Lũng**	**1.440**	**251**	**-**	640	**-**	**640**	**-**	369	**-**	**-**	**369**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	180	**180**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.440	251		640		640		369			369					-			180	180			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				
51	**Xã Tuấn Sơn**	**423**	**410**	**-**	-	**-**	**-**	**13**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	420	407		-			13	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	3	3		-				-								-			-				
52	**Xã Cai Kinh**	**712**	**305**	**-**	407	**407**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	684	298		386	386			-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	28	7		21	21			-								-			-				
53	**Xã Thiện Tân**	**306**	**294**	**-**	-	**-**	**-**	**12**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	298	286		-			12	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	8	8		-			-	-								-			-				
54	**Xã Hoà Bình**	**1.707**	**271**	**-**	1.401	**1.401**	**-**	**35**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.688	266		1.387	1.387		35	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	19	5		14	14		-	-								-			-				
55	**Xã Hữu Liên**	**122**	**110**	**-**	-	**-**	**-**	**12**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	118	106		-			12	-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	4	4		-				-								-			-				
56	**Xã Tân Thành**	**212**	**210**	**-**	2	**2**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	210	208		2	2			-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	2	2		-				-								-			-				
57	**Xã Vân Nham**	**264**	**264**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	259	259		-				-								-			-				
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	5	5		-				-								-			-				
58	**Phường Kỳ Lừa**	**1.056**	**56**	**-**	1.000	**-**	**1.000**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	-	**-**	**-**	-	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.056	56	-	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-			-				-								-			-				

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú , trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp bảo đảm xã hội)	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23

Ghi chú:

1. Dự toán chuyển nguồn của Thành phố chuyển về cấp tỉnh không phân bổ cho các xã (giảm 4 xã)
2. Dự toán huyện Cao Lộc chuyển cho Phường Kỳ Lừa tiếp tục thực hiện (tăng 1 xã)
3. Dự toán huyện Lộc Bình giảm 1 xã Khuất Xá
4. Dự toán huyện Tràng Định giảm 3 xã (Quốc Khánh, Tân Tiến, Đoàn Kết)

PHỤ LỤC B

BIỂU 11: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG - ĐƠN VỊ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	**Dự toán các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025**	**48.157**	**4.782**	**4.702**	**80**	**15.993**	**8.377**	**7.852**	**569**	**9.709**	**9.709**	**-**	**-**	**3.463**	**2.306**	**1.940**	**365**	**2.459**	**1.199**	**1.256**	
	Ngân sách trung ương	46.936	4.700	4.620	80	15.637	8.108	7.599	553	9.689	9.689	-	-	3.153	2.198	1.846	351	2.384	1.158	1.227	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	1.221	82	82	-	356	269	253	16	20	20	-	-	310	108	94	14	75	40	30	
I	**Đơn vị cấp tỉnh**	**3.679**	**-**	**-**	**-**	**-**	**122**	**-**	**122**	**3.446**	**3.446**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**111**	**107**	**4**	
	Ngân sách trung ương	3.679	-	-	-	-	122	-	122	3.446	3.446	-	-	-	-	-	-	111	107	4	
	Ngân sách tỉnh	**-**																			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	**-**																			
1	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**3.557**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.446**	**3.446**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**111**	**107**	**4**	
	Ngân sách trung ương	3.557	-	-	-	-	-	-	-	3.446	3.446	-	-	-	-	-	-	111	107	4	
	Ngân sách tỉnh	-																			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	**-**																			
2	**Sở Y tế**	**122**	**-**	**-**	**-**	**-**	**122**	**-**	**122**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	122	-	-	-	-	122	-	122	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách tỉnh	-																			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	-																			
II	**Chuyển về cấp 0 tỉnh**	**17.127**	**2.754**	**2.754**	**-**	**1.789**	**1.402**	**999**	**403**	**5.957**	**5.957**	**-**	**-**	**671**	**1.964**	**1.718**	**245**	**1.568**	**804**	**760**	
	Ngân sách trung ương	16.809	2.672	2.672	-	1.753	1.350	964	387	5.937	5.937	-	-	671	1.882	1.648	233	1.521	791	732	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	317	82	82	-	36	52	36	16	20	20	-	-	-	82	70	12	46	13	28	
III	**Đơn vị cấp xã**	**27.307**	**2.028**	**1.948**	**80**	**14.204**	**6.853**	**6.853**	**-**	**307**	**307**	**-**	**-**	**2.792**	**342**	**222**	**120**	**781**	**288**	**492**	
	Ngân sách trung ương	26.403	2.028	1.948	80	13.884	6.635	6.635	-	307	307	-	-	2.482	316	198	118	752	261	491	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	903	-	-	-	320	218	218	-	-	-	-	-	310	26	24	2	29	27	2	
1	**Xã Đình Lập**	**53**	**-**	**-**	**-**	**51**	**2**	**2**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	53				51	2	2		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-								-					-			-		-	
2	**Xã Châu Sơn**	**391**	**-**	**-**	**-**	**10**	**381**	**381**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	391				10	381	381		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-					-			-					-	-		-	-		
3	**Xã Kiên Mộc**	**591**	**-**	**-**	**-**	**502**	**89**	**89**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	591				502	89	89		-					-						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-					-			-					-						
4	**Xã Thái Bình**	**57**	**-**	**-**	**-**	**40**	**17**	**17**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	51				40	11	11		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	6					6	6		-					-	-		-			
5	**Xã Bình Gia**	**255**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**168**	**20**	**-**	**20**	**67**	**36**	**31**	
	Ngân sách trung ương	231												160	20		20	51	21	31	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	23												8	-		-	15	15		
6	**Xã Tân Văn**	**212**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**192**	**-**	**-**	**-**	**20**	**-**	**20**	
	Ngân sách trung ương	160	-											140	-			20	-	20	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	52												52	-			-			
7	**Xã Hồng Phong**	**270**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**266**	**-**	**-**	**-**	**4**	**-**	**4**	
	Ngân sách trung ương	244												240	-			4		4	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	26												26	-			-			
8	**Xã Hoa Thám**	**989**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**964**	**-**	**-**	**-**	**25**	**-**	**25**	
	Ngân sách trung ương	905												880	-			25		25	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	84												84	-			-			
9	**Xã Quý Hoà**	**27**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**8**	**9**	**9**	**-**	**10**	**-**	**10**	
	Ngân sách trung ương	10													-			10		10	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	17												8	9	9		-			
10	**Xã Thiện Thuật**	**358**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**308**	**18**	**-**	**18**	**32**	**-**	**32**	
	Ngân sách trung ương	330												280	18		18	32	-	32	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	28												28	-		-	-			
11	**Xã Thiện Long**	**48**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**18**	**-**	**-**	**-**	**30**	**-**	**30**	
	Ngân sách trung ương	30												-	-			30		30	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	18												18	-			-			
12	**Xã Thiện Hoà**	**377**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**362**	**-**	**-**	**-**	**15**	**-**	**15**	
	Ngân sách trung ương	335												320	-			15		15	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	42												42	-			-			
13	**Xã Tràng Định**	**4**	**-**	**-**	**-**	**4**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	4				4															
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	**-**																			
14	**Xã Na Sầm**	**1.113**	**-**	**-**	**-**	**18**	**1.095**	**1.095**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.113	-	-	-	18	1.095	1.095	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
15	**Xã Hoàng Văn Thụ**	**1.989**	**-**	**-**	**-**	**1.378**	**610**	**610**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.989	-	-	-	1.378	610	610	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	**Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
16	**Xã Hội Hoan**	**1.705**	**-**	**-**	**-**	**1.271**	**434**	**434**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.705	-	-	-	1.271	434	434	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
17	**Xã Văn Lãng**	**1.152**	**-**	**-**	**-**	**796**	**356**	**356**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.152	-	-	-	796	356	356	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
18	**Xã Thụy Hùng**	**480**	**-**	**-**	**-**	**478**	**2**	**2**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	480	-	-	-	478	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
19	**Xã Đồng Đăng**	**33**	**-**	**-**	**-**	**31**	**2**	**2**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	**31**	-	-	-	31	0	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	**1**	-	-	-	-	1	1													
20	**Xã Cao Lộc**	**1.187**	**-**	**-**	**-**	**885**	**302**	**302**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.161	-	-	-	866	295	295	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	26	-	-	-	19	7	7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
21	**Xã Công Sơn**	**1.629**	**-**	**-**	**-**	**1.366**	**263**	**263**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.581	-	-	-	1.331	249	249	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	49	-	-	-	35	14	14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
22	**Xã Ba Sơn**	**299**	**-**	**-**	**-**	**-**	**299**	**299**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	292	-	-	-	-	292	292	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	7	-	-	-	-	7	7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
23	**Phường Kỳ Lừa**	**153**	**-**	**-**	**-**	**-**	**153**	**153**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	153	-	-	-	-	153	153													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-	-	-	-	-	-	-													
24	**Phường Đông Kinh**	**142**	**-**	**-**	**-**	**-**	**142**	**142**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	142	-	-	-	-	142	142													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	**-**	-	-	-	-	-	-													
25	**Xã Bắc Sơn**	**28**	**-**	**-**	**-**	**28**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	28	-	-	-	28	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
26	**Xã Hưng Vũ**	**96**	**-**	**-**	**-**	**52**	**44**	**44**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	96	-	-	-	52	44	44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	**-**																			
27	**Xã Vũ Lăng**	**103**	**-**	**-**	**-**	**13**	**91**	**91**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	103	-	-	-	13	91	91	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
28	**Xã Tân Tri**	**275**	**-**	**-**	**-**	**194**	**80**	**80**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	275	-	-	-	194	80	80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
29	**Xã Vũ Lễ**	**47**	**-**	**-**	**-**	**47**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	47	-	-	-	47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
30	**Xã Nhất Hoà**	**128**	**-**	**-**	**-**	**58**	**70**	**70**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	128	-	-	-	58	70	70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-																			
31	**Xã Na Dương**	**7**	**-**	**-**	**-**	**3**	**4**	**4**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	5	-			1	4	4		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	2	-			2	0	0		-					-			-			
32	**Xã Mẫu Sơn**	**18**	**-**	**-**	**-**	**18**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	18	-			18	-			-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-	-				-			-					-			-			
33	**Xã Thống Nhất**	**15**	**-**	**-**	**-**	**13**	**2**	**2**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	6	-			6	0	0		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	9	-			7	1	1		-					-			-			
34	**Xã Khuất Xá**	**93**	**-**	**-**	**-**	**12**	**82**	**82**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**-**	**0**	
	Ngân sách trung ương	67	-			12	55	55		-					-			0		0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	27	-				27	27		-					-			-			
35	**Xã Lợi Bác**	**44**	**-**	**-**	**-**	**13**	**31**	**31**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	18	-			1	17	17		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	26	-			12	14	14		-					-			-			
36	**Xã Xuân Dương**	**74**	**-**	**-**	**-**	**17**	**57**	**57**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**-**	**0**	
	Ngân sách trung ương	59	-			9	50	50		-								0		0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	15	-			8	8	8		-					-			-			
37	**Xã Hữu Lũng**	**49**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**49**	**-**	**49**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	49					-								49		49	-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-					-								-			-			
38	**Xã Tuấn Sơn**	**112**	**-**	**-**	**-**	**41**	**71**	**71**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	112				41	71	71							-			-			

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-					-								-			-			
37	**Xã Tân Thành**	**241**	**-**	**-**	**-**	**235**	**6**	**6**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	241				235	6	6							-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-					-								-			-			
38	**Xã Thiện Tân**	**1.039**	**-**	**-**	**-**	**770**	**269**	**269**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.016				770	246	246							-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	23					23	23							-			-			
39	**Xã Yên Bình**	**608**	**-**	**-**	**-**	**322**	**286**	**286**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	608				322	286	286							-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-					-								-			-			
40	**Xã Cai Kinh**	**189**	**-**	**-**	**-**	**133**	**56**	**56**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	189				133	56	56							-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-					-								-			-			
41	**xã Hữu Liên**	**125**	**-**	**-**	**-**	**95**	**30**	**30**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	-					-								-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	125				95	30	30										-			
42	**Xã Chi Lăng**	**245**	**-**	**-**	**-**	**206**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4**	**-**	**4**	**35**	**20**	**15**	
	Ngân sách trung ương	237				200	-								2		2	35	20	15	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	8				6									2		2				
43	**Xã Nhân Lý**	**62**	**-**	**-**	**-**	**21**	**0**	**0**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**41**	**23**	**18**	
	Ngân sách trung ương	60				19	0	0										41	23	18	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	2				2															
44	**Xã Chiến Thắng**	**284**	**-**	**-**	**-**	**48**	**172**	**172**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**65**	**38**	**27**	
	Ngân sách trung ương	268				48	168	168										53	26	27	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	16					4	4										12	12		
45	**Xã Quan Sơn**	**71**	**-**	**-**	**-**	**-**	**32**	**32**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**39**	**22**	**17**	
	Ngân sách trung ương	57					18	18										39	22	17	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	14					14	14													
47	**Xã Bằng Mạc**	**95**	**-**	**-**	**-**	**64**	**1**	**1**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**31**	**17**	**14**	
	Ngân sách trung ương	82				52	1	1										29	17	12	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	13				11	0	0										2		2	
48	**Xã Vạn Linh**	**170**	**-**	**-**	**-**	**17**	**118**	**118**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**35**	**19**	**15**	
	Ngân sách trung ương	119				3	81	81										35	19	15	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	51				14	37	37													
49	**Xã Văn Quan**	**2.593**	**211**	**131**	**80**	**1.019**	**373**	**373**	**-**	**307**	**307**	**-**	**-**	**110**	**242**	**213**	**29**	**331**	**113**	**218**	
	Ngân sách trung ương	2.556	211	131	80	1.008	372	372		307	307			100	227	198	29	331	113	218	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	38	-			11	1	1		-				10	15	15		-			
50	**Xã Điềm He**	**988**	**77**	**77**	**-**	**515**	**396**	**396**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	978	77	77		515	386	386		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	10	-				10	10		-					-			-			
51	**Xã Yên Phúc**	**1.169**	**824**	**824**	**-**	**339**	**6**	**6**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	1.169	824	824		339	6	6		-					-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	-	-				-			-					-			-			
52	**Xã Tri Lễ**	**849**	**20**	**20**	**-**	**601**	**52**	**52**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**176**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	820	20	20		586	52	52		-				162	-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	29	-			15	-			-				14	-			-			
53	**Xã Tân Đoàn**	**867**	**343**	**343**	**-**	**436**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**88**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	850	343	343		427	-			-				80	-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	17	-			9	-			-				8	-			-			
54	**Xã Khánh Khê**	**3.108**	**553**	**553**	**-**	**2.045**	**378**	**378**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**132**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Ngân sách trung ương	3.007	553	553		1.970	364	364		-				120	-			-			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã	101	-			75	14	14		-				12	-			-			
IV	**Phần vốn dự kiến đề xuất chuyển sang đầu tư theo NQ 111/2024/QH15)**	**44**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**44**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	Lộc Bình
	Ngân sách trung ương	44							44												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách cấp xã																				

PHỤ LỤC B

BIỂU 12: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỔ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 - SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: 1635 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự toán các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025	**36.868**	**9.752**	**6.888**	**9.570**	**0**	**365**	**1.818**	**5.613**	**373**	**801**	**347**	**1.189**	**153**	
	Ngân sách trung ương	21.393	4.755	4.796	6.244	0	37	701	3.145	345	609	37	721	2	
	Ngân sách tỉnh	12.313	4.910	1.328	2.690	0	328	1.114	1.326	28	0	154	285	150	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	3.162	86	763	636	0	0	4	1.142	0	192	156	183	0	
I	**Chuyển về cấp 0 tỉnh**	**11.128**	**472**	**1.464**	**6.465**	**0**	**221**	**891**	**58**	**330**	**260**	**136**	**687**	**143**	
	Ngân sách trung ương	7.526	89	1.101	4.778	0	0	504	29	327	180	2	514	0	
	Ngân sách tỉnh	3.183	383	363	1.523	0	221	387	28	3	0	0	131	143	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	419	0	0	163	0	0	0	0	0	80	134	42	0	
II	**Đơn vị cấp tỉnh**	**1.661**	**3**	**400**	**1.199**	**0**	**28**	**0**	**0**	**24**	**0**	**0**	**7**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.095	3	400	671	0	15	0	0	0	0	0	7	0	
	Ngân sách tỉnh	566	0	0	528	0	14	0	0	24	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**1.227**	**3**	**0**	**1.199**	**0**	**25**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	688	3	0	671	0	15	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	538	0	0	528	0	10	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	**Trung tâm GNNN - GDTX Chi Lăng**	**293**	**3**	**0**	**265**	**0**	**25**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	269	3		252		15								
	Ngân sách tỉnh	23			13		10								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													
1.3	**Trung tâm GNNN - GDTX Cao Lộc**	**11**	**0**	**0**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	11			11										
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													
1.4	**Trung tâm GNNN - GDTX Đình Lập**	**274**	**0**	**0**	**274**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	274			274										
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													
1.5	**Trung tâm GNNN - GDTX Văn**	**3**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	3			3										
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.6	**Trung tâm GNNN - GDTX**	**26**	**0**	**0**	**26**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0													
	Ngân sách tỉnh	26			26										
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													
1.7	**Trung tâm GNNN - GDTX Văn Quan**	**144**	**0**	**0**	**144**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0													
	Ngân sách tỉnh	144			144										
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													
1.8	**Trung tâm GNNN - GDTX Bình Gia**	**168**	**0**	**0**	**168**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	23			23										
	Ngân sách tỉnh	145			145										
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													
2	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**431**	**0**	**400**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**24**	**0**	**0**	**7**	**0**	Bổ sung kinh phí Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đình Lập
	Ngân sách trung ương	407	0	400	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0	
	Ngân sách tỉnh	24	0	0	0	0	0	0	0	24	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	**Sở Y Tế**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0													
	Ngân sách tỉnh	4					4								TTYT Bắc Sơn
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	0													
III	**Đơn vị cấp xã**	**23.072**	**9.005**	**4.982**	**1.506**	**0**	**116**	**909**	**5.479**	**4**	**541**	**211**	**318**	**0**	
	Ngân sách trung ương	12.040	4.482	3.253	481	0	22	197	3.113	3	429	35	25	0	
	Ngân sách tỉnh	8.289	4.437	966	553	0	93	708	1.224	1	0	154	153	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	2.742	86	763	472	0	0	4	1.142	0	112	22	141	0	
1	**Phường Tam Thanh**	**1.495**	**0**	**674**	**0**	**0**	**0**	**58**	**763**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	898		370					528						
	Ngân sách tỉnh	462		304				58	100						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	135							135						
2	**Phường Lương Văn Tri**	**2.178**	**200**	**1.150**	**0**	**0**	**0**	**0**	**360**	**0**	**468**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.540		880					300		360				
	Ngân sách tỉnh	243	200	43											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	394		226					60		108				
3	**Phường Kỳ Lừa**	**979**	**342**	**600**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**32**	**0**	**0**	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Ngân sách trung ương	205	0	200	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	774	342	400	0	0	0	0	0	0	0	32	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	**Phường Đông Kinh**	**2.073**	**0**	**1.107**	**0**	**0**	**0**	**20**	**947**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.370	0	770	0	0	0	0	600	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	300	0	180	0	0	0	20	100	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	403	0	156	0	0	0	0	247	0	0	0	0	0	
5	**Xã Tuấn Sơn**	**100**	**100**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	100	100												
	Ngân sách tỉnh	0	0												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0												
6	**Xã Tân Thành**	**46**	**23**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**23**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	23	23									0			
	Ngân sách tỉnh	23	0									23			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0									0			
7	**Xã Vân Nham**	**20**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	20	20	0					0						
	Ngân sách tỉnh	0		0					0						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0		0					0						
8	**Xã Thiện Tân**	**117**	**117**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	58	58												
	Ngân sách tỉnh	58	58												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0												
9	**Xã Yên Bình**	**31**	**31**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0												
	Ngân sách tỉnh	31	31												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0												
10	**Xã Hữu Liên**	**58**	**58**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0												
	Ngân sách tỉnh	0	0												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	58	58												
11	**Xã Cai Kinh**	**231**	**65**	**157**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	81	65	7								10			
	Ngân sách tỉnh	0	0	0								0			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	150	0	150								0			
12	**Xã Chi Lăng**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	2		0					2						
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
13	**Xã Nhân Lý**	**638**	**438**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	513	313						200						
	Ngân sách tỉnh	125	125												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
14	**Xã Chiến Thắng**	**475**	**240**	**0**	**66**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**43**	**0**	**122**	**0**	
	Ngân sách trung ương	346	240		62						43		1		
	Ngân sách tỉnh	129			5				4				121		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
15	**Xã Quan Sơn**	**138**	**138**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	138	138												
	Ngân sách tỉnh	0	0												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
16	**Xã Bằng Mạc**	**219**	**181**	**4**	**0**	**0**	**0**	**32**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	89	58	2				28							
	Ngân sách tỉnh	125	123				0		2						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	5		2				4	0		0				
17	**Xã Vạn Linh**	**54**	**0**	**0**	**54**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0													
	Ngân sách tỉnh	54	0		54										
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
18	**Xã Đồng Đăng**	**322**	**55**	**0**	**262**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	15	0	0	12	0	0	0	4	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	56	55	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	251	0	0	251	0	0	0	0	0	0	0	0		
19	**Xã Cao Lộc**	**141**	**86**	**0**	**55**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	141	86	0	55	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
20	**Xã Công Sơn**	**186**	**81**	**105**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	81	81	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	105	0	105	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
21	**Xã Ba Sơn**	**314**	**94**	**0**	**219**	**0**	**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	94	94	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	219	0	0	219	0	0	0	0	0	0	0	0		
22	**Xã Lộc Bình**	**952**	**202**	**24**	**395**	**0**	**0**	**0**	**304**	**0**	**0**	**3**	**24**	**0**	
	Ngân sách trung ương	218	95						100				24		
	Ngân sách tỉnh	734	108	24	395				204			3			

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
23	**Xã Mẫu Sơn**	**910**	**898**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0													
	Ngân sách tỉnh	910	898	5								6			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
24	**Xã Na Dương**	**79**	**79**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	55	55												
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	24	24												
25	**Xã Lợi Bác**	**48**	**48**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	48	48												
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
26	**Xã Thống Nhất**	**90**	**90**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	90	90												
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
27	**Xã Xuân Dương**	**385**	**246**	**8**	**0**	**0**	**0**	**0**	**131**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	119	16						104						
	Ngân sách tỉnh	235	227	8											
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	31	4						27						
28	**Xã Khuất Xá**	**46**	**46**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	2	2												
	Ngân sách tỉnh	43	43												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
29	**Xã Đình Lập**	**37**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**16**	**0**	**0**	**1**	**20**	**0**	
	Ngân sách trung ương	16						1	16						
	Ngân sách tỉnh	0					0								
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	21										1	20		
30	**Xã Châu Sơn**	**944**	**0**	**31**	**3**	**0**	**0**	**70**	**734**	**0**	**0**	**46**	**60**	**0**	
	Ngân sách trung ương	556		31				70	431			24			
	Ngân sách tỉnh	110							110						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	278			3				193			21	60		
31	**Xã Kiên Mộc**	**1.561**	**0**	**60**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.481**	**0**	**0**	**0**	**21**	**0**	
	Ngân sách trung ương	840		60					780						
	Ngân sách tỉnh	700							700						
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	21							0				21		
32	**Xã Thái Bình**	**219**	**0**	**56**	**0**	**0**	**0**	**11**	**112**	**0**	**0**	**0**	**40**	**0**	
	Ngân sách trung ương	67		56				11							

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	152							112				40		
33	**Xã Na Sầm**	**94**	**83**	**0**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Ngân sách trung ương	94	83		11	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
34	**Xã Văn Lãng**	**290**	**290**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	214	214	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	76	76	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
35	**Xã Hội Hoan**	**234**	**234**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	58	58	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	176	176	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
36	**Xã Thuỵ Hùng**	**210**	**210**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	191	191	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	19	19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
37	**Xã Hoàng Văn Thụ**	**689**	**540**	**0**	**10**	**0**	**80**	**27**	**21**	**0**	**0**	**0**	**11**	**0**	
	Ngân sách trung ương	258	200	0	10	0	0	27	21	0	0	0			
	Ngân sách tỉnh	431	340	0	0	0	80	0	0	0	0	0	11		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
38	**Xã Thất Khê**	**39**	**39**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	7	7												
	Ngân sách tỉnh	32	32												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
39	**Xã Đoàn Kết**	**175**	**85**	**0**	**0**	**0**	**0**	**90**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	20	20												
	Ngân sách tỉnh	156	66					90							
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
40	**Xã Tân Tiến**	**102**	**102**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	73	73												
	Ngân sách tỉnh	30	30												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
41	**Xã Tràng Định**	**118**	**108**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	18	8						10						
	Ngân sách tỉnh	100	100												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
42	**Xã Quốc Khánh**	**441**	**441**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Ngân sách trung ương	220	220												
	Ngân sách tỉnh	221	221												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
43	**Xã Kháng Chiến**	**421**	**362**	**0**	**0**	**0**	**0**	**60**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	239	180					60							
	Ngân sách tỉnh	182	182												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
44	**Xã Quốc Việt**	**111**	**111**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	56	56												
	Ngân sách tỉnh	55	55												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
45	**Xã Văn Quan**	**1.201**	**354**	**800**	**0**	**0**	**20**	**2**	**0**	**0**	**4**	**0**	**21**	**0**	
	Ngân sách trung ương	1.174	354	800	0	0	20	0	0	0	0	0			
	Ngân sách tỉnh	23	0	0		0		2	0	0	0		21		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	4									4				
46	**Xã Điềm He**	**495**	**18**	**67**	**297**	**0**	**15**	**0**	**8**	**1**	**0**	**89**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	392	18	67	297	0	2		8	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	103	0	0		0	13		0	1	0	89			
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
47	**Xã Yên Phúc**	**406**	**14**	**0**	**90**	**0**	**0**	**233**	**70**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	104	14	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	233	0	0	0	0	0	233	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	70							70						
48	**Xã Khánh Khê**	**140**	**97**	**0**	**44**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	36	36	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách tỉnh	104	61	0	44	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
49	**Xã Tân Đoàn (VQ)**	**745**	**456**	**0**	**0**	**0**	**0**	**149**	**140**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	456	456												
	Ngân sách tỉnh	149						149							
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	140							140						
50	**Xã Tri Lễ**	**157**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**157**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0													
	Ngân sách tỉnh	157						157							
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
51	**Xã Bình Gia**	**319**	**319**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	100	100												
	Ngân sách tỉnh	219	219												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
52	**Xã Tân Văn**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0													
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
52	**Xã Hồng Phong**	**62**	**62**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	42	42												
	Ngân sách tỉnh	20	20												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
53	**Xã Hoa Thám**	**32**	**32**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	32	32												
	Ngân sách tỉnh	0													
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
54	**Xã Thiện Hoà**	**268**	**268**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	160	160												
	Ngân sách tỉnh	108	108												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
55	**Xã Thiện Thuật**	**271**	**271**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	236	236												
	Ngân sách tỉnh	36	36												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
56	**Xã Thiện Long**	**262**	**262**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	168	168												
	Ngân sách tỉnh	94	94												
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
57	**Xã Bắc Sơn**	**58**	**26**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**26**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	33	0	2	0	0	0	0	4	0	26	0	0		
	Ngân sách tỉnh	25	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
58	**Xã Hưng Vũ**	**16**	**0**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	8	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
59	**Xã Vũ Lăng**	**139**	**39**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**100**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	39	39	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	100	0	0	0	0	0	0	100	0	0	0	0		
60	**Xã Nhất Hoà**	**97**	**39**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**58**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	39	39	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

STT	Đơn vị điều chỉnh vốn sau sắp xếp	Tổng cộng	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	57	0	0	0	0	0	0	57	0	0	0	0		
61	**Xã Vũ Lễ**	**210**	**89**	**120**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	89	89	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	1	0	0	0	0	1	0		0	0	0	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	120	0	120	0	0	0	0		0	0	0	0		
62	**Xã Tân Tri**	**160**	**154**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**1**	**0**	**0**	
	Ngân sách trung ương	153	149	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0		
	Ngân sách tỉnh	7	5	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0		
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách xã	0													
IV	**Phần vốn chuyển sang ĐT theo NQ 111/2024/QH15**	**1.007**	**271**	**42**	**399**	**0**	**0**	**18**	**76**	**14**	**0**	**0**	**176**	**10**	257tr của huyện Lộc Bình, 749tr của huyện Tràng
	Ngân sách trung ương	732	181	42	314				2	14			176	2	
	Ngân sách tỉnh	275	90		85			18	74					7	
	Ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh, ngân sách xã	0													